

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A  
I.P.A SECURITIES INVESTMENT FUND  
MANAGEMENT LIMITED COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness

Số/No.: 84 /2025/CV-IPAAM

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025  
Hanoi, 03 April 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/  
*The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/  
*Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A  
*Fund Management Company name: I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*
  - Tên quỹ/ *Fund name:* Quỹ ETF IPAAM VN100/ *IPAAM VN100 ETF Fund*
  - Mã chứng khoán/ *Security Symbol:* FUEIP100
  - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
  - Điện thoại/ *Telephone:* (84-24) 73056188
  - Email: [support@ipa.com.vn](mailto:support@ipa.com.vn) Website: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>
- Nội dung thông tin công bố/ *Content of Information disclosure:*

Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM) công bố thông tin về việc tổ chức lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100 (mã chứng khoán: FUEIP100) như sau/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company (IPAAM) discloses about the collection of investor opinions in writing to approve the resolution of the 2025 Annual Investor Meeting of the IPAAM VN100 ETF Fund (Security Symbol: FUEIP100):*

  - Thành phần lấy ý kiến: Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Danh sách Nhà đầu tư của Quỹ ETF IPAAM VN100 do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập ngày 28/03/2025  
*Participants for opinion collection: All investors listed in the Investor List of the IPAAM VN100 ETF Fund, prepared by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation as of March 28, 2025*
  - Thời hạn phải gửi lại IPAAM phiếu lấy ý kiến: trước ngày 24/04/2025  
*Deadline for returning the opinion ballot to IPAAM: Before April 24, 2025*
  - Tài liệu và nội dung lấy ý kiến: được đăng tải trên website của IPAAM tại địa chỉ <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>  
*The documents and contents of opinions collection: was updated in the IPAAM's website: https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của IPAAM vào ngày 03/04/2025 tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>  
*This information was disclosed on IPAAM's Portal on date 03/04/2025 Available at: https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/*



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*We declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation*

**Nơi nhận/ Reciept:**

- Như trên/ As above
- Lưu HC/Keep Dossiers

**Tài liệu đính kèm/ Attachment:**

- Tài liệu lấy ý kiến ĐHNDT  
*The documents of Annual investor's meeting opinion collection*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV  
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A  
REPRESENTATIVE OF I.P.A SECURITIES  
INVESTMENT FUND MANAGEMENT LIMITED  
COMPANY**

**Người được ủy quyền công bố thông tin  
~~Person authorized to disclose information~~**



**Kế toán trưởng/ Chief Accountant  
Nguyễn Thị Thúy Lan**



## THÔNG BÁO

*V/v: Lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100*

**Kính gửi: Quý Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100**

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM) xin thông báo đến Quý Nhà đầu tư về việc tổ chức lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 như sau:

### 1. Thông tin Quỹ

- Tên Quỹ: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Mã chứng khoán: FUEIP100
- Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số: 37/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/9/2021

### 2. Mục đích lấy ý kiến: thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà đầu tư

Các tài liệu giải trình cho các vấn đề lấy ý kiến và Dự thảo Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư được đăng tải trên trang thông tin điện tử của IPAAM tại địa chỉ: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>

### 3. Thời hạn gửi lại Phiếu lấy ý kiến: Nhà đầu tư vui lòng cho ý kiến biểu quyết, ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về cho IPAAM trước ngày **24/04/2025** (tính theo dấu bưu điện) bằng cách gửi email hoặc gửi thư đến địa chỉ sau:

- Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A
- Địa chỉ Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Tel: 02473056188 Email: [support@ipa.com.vn](mailto:support@ipa.com.vn)

Nội dung Phiếu lấy ý kiến được gửi kèm theo Thông báo này.

Trân trọng thông báo tới Quý Nhà đầu tư!

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025 *aw*  
**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A  
CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Phạm Minh Hương**

## PHIẾU LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ

*(Theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)*

**ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
QUỸ ETF IPAAM VN100**

**Kính gửi: Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100**

Tên Nhà đầu tư:

Số Đăng ký sở hữu:

Địa chỉ:

Số đơn vị quỹ sở hữu tại thời điểm chốt quyền biểu quyết:

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A**

**Giấy phép thành lập và hoạt động số: 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 04/03/2008**

**Địa chỉ trụ sở: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Căn cứ khoản 5 Điều 23 Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 và khoản 2 Điều 17 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, được sự phê duyệt của Ban đại diện Quỹ, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A tổ chức lấy ý kiến Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 bằng văn bản về các nội dung cần xin ý kiến Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025 của Quỹ như sau:

### **I. Thông tin Quỹ**

- Tên Quỹ: Quỹ ETF IPAAM VN100
- Mã chứng khoán: FUEIP100
- Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số: 37/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/9/2021

### **II. Mục đích lấy ý kiến**

Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Các tài liệu giải trình cho các vấn đề lấy ý kiến và Dự thảo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A tại địa chỉ: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>

### **IV. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết**

#### **1. Biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHNĐT**

**Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: ..... phiếu**

*Lưu ý về cách biểu quyết:*

- Nhà đầu tư cho ý kiến biểu quyết về các nội dung sau bằng cách đánh dấu ✓ vào ô lấy ý kiến (“Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”).
- Trong trường hợp Quý Nhà đầu tư ủy quyền cho người khác thực hiện quyền biểu quyết, người được ủy quyền phải gửi kèm theo Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời và Văn bản ủy quyền (bản gốc hoặc bản sao y công chứng/chứng thực hợp lệ của cơ quan có thẩm quyền). Phiếu lấy ý kiến không gửi kèm theo Văn bản ủy quyền được coi là Phiếu không hợp lệ.

**Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**Nội dung 2: Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2024 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024 và chiến lược đầu tư năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**Nội dung 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**Nội dung 6: Thông qua chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**Nội dung 7: Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**Nội dung 8: Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đối với bà Nguyễn Thị Huyền Trang.**

☐ Tán thành ☐ Không Tán thành ☐ Không có ý kiến

**2. Bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện Quỹ**

- Tổng số phiếu có quyền bầu cử: ..... phiếu

Lưu ý:

- Nhà đầu tư vui lòng điền số phiếu bầu cho ứng viên, số phiếu bầu không vượt quá Tổng số phiếu bầu của Nhà đầu tư;
- Danh sách ứng cử viên bổ sung (nếu có) được đăng tải trên website của IPAAM tại địa chỉ: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>. Quý Nhà Đầu tư có thể bầu ứng cử viên bổ sung bằng cách điền vào bảng dưới đây và bầu cử.

TT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Vũ Thị Thu	.....
2		

**V. Thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến**

- Nhà đầu tư vui lòng cho ý kiến và ký xác nhận vào phần ký tên dưới đây và gửi phiếu ý kiến này đến IPAAM bằng cách gửi thư, hoặc thư điện tử tới địa chỉ sau:

**Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A**

**Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**

**Email: support@ipa.com.vn**

**Điện thoại: 024 7305 6188**

- Thời hạn ngày gửi ý kiến trả lời (tính theo dấu bưu điện): **trước ngày 24/04/2025**

Trân trọng!

*Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2025*

**TM. CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ  
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A**



**Phạm Minh Hương**

*....., ngày ... tháng ... năm 2025*

**NHÀ ĐẦU TƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*



Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025 QUỸ ETF IPAAM VN100

*Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2024; Chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động năm 2025; Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính Quỹ năm 2025*

**Kính trình: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100**

*Căn cứ:*

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Thông tư số 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ETF IPAAM VN100;



Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (IPAAM) kính trình Nhà đầu tư của Quỹ ETF IPAAM VN100 các nội dung như sau:

#### **1. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán**

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100.

#### **2. Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024**

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 như sau:

Không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024. Lợi nhuận năm 2024 của Quỹ sẽ được giữ lại để phục vụ hoạt động đầu tư.

#### **3. Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025**

Kính trình Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2024:

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2024	72.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 2.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 2.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025:

Thời gian	Dự kiến ngân sách Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2025	108.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 3.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 3.000.000 đồng/người/tháng

#### 4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100

Kính trình Đại hội nhà đầu tư ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

Kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBCKNN, NHGS;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A**



**CHỦ TỊCH**  
*Phạm Minh Hương*

**TỜ TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**Quỹ ETF IPAAM VN100**

*Về việc: Miễn nhiệm và bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2021 - 2026*

**Kính thưa: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100**

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (IPAAM) xin trình Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025 xem xét và thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2021-2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100 như sau:

Hiện nay, IPAAM đã nhận được đơn xin từ nhiệm của bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Chủ tịch Ban Đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 vì lý do cá nhân. Bởi vậy, IPAAM kính trình Đại hội Nhà đầu tư biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Chủ tịch Ban Đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 như sau:

1. Miễn nhiệm Chủ tịch Ban Đại diện quỹ đối với bà Nguyễn Thị Huyền Trang. Kể từ ngày được ĐHNĐT thông qua thì bà Nguyễn Thị Huyền Trang sẽ không còn là thành viên Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100.
2. Bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100.

IPAAM kính trình ĐHNĐT thông qua việc bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Các nhà đầu tư, nhóm nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 có quyền ứng cử/đề cử người để ĐHNĐT bầu làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ. Ứng viên ứng cử/được đề cử để bầu bổ sung làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100.

Việc bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện theo phương thức và cách thức như được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100.

Việc đề cử ứng viên làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục đính kèm.

Thông tin về người được đề cử đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100 được IPAAM công bố trên trang thông tin điện tử của IPAAM tại đường link: <https://ipaam.com.vn/vi/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/cbtt-cua-ipaam-vn100-etf/>

Trân trọng!



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A



CHỦ TỊCH  
*Phạm Minh Hương*

10312  
ÔNG T  
TNHH  
THÀNH  
QUỸ E  
G KHO  
P.A  
JNG -

**CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100**

**1. Số lượng bầu bổ sung: 01 thành viên**

- (i) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
- (ii) Có trình độ chuyên môn về phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
- (iii) Không phải là thành viên của trên 05 Ban đại diện Quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (iv) Không là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

- (i) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của Quỹ ETF IPAAM VN100.
- (ii) Trường hợp số lượng ứng viên được đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên.

(i) Đơn ứng cử/đề cử ứng viên vào Ban đại diện quỹ (mẫu đính kèm);

(ii) Hồ sơ cá nhân của ứng viên, gồm:

- Bản sao công chứng hộ chiếu/căn cước công dân của ứng viên;
- Bản sao công chứng bằng cấp, xác nhận trình độ chuyên môn, kinh nghiệm;
- Lý lịch tư pháp được cấp không quá 6 tháng tính tới thời hạn phải gửi lại Phiếu lấy ý kiến của Nhà đầu tư;
- Bản cung cấp thông tin của ứng viên (mẫu đính kèm);
- Cam kết không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.

**Điện thoại: 024 7305 6188**

Hồ sơ ứng cử/đề cử gửi đến sau thời hạn nêu trên đều được coi là không hợp lệ.

## Quỹ ETF IPAAM VN100

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



# Quỹ ETF IPAAM VN100

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 9
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	10
Báo cáo kiểm toán độc lập	11 - 12
Báo cáo thu nhập	13
Báo cáo tình hình tài chính	14 - 15
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	16
Báo cáo danh mục đầu tư	17 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 58

# Quỹ ETF IPAAM VN100

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 53.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.300.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (sau đây được gọi tắt là "Công ty"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 0102703178 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm 03 Quỹ mở, 01 Quỹ hoán đổi danh mục, và 01 Quỹ thành viên. Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức trong nước.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 05 tháng 03 năm 2024 là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

# Quỹ ETF IPAAM VN100

## THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC"). Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện của Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	Chủ tịch	28 tháng 07 năm 2021
Bà Lê Thị Hoài	Thành viên độc lập	25 tháng 04 năm 2024
Bà Hoàng Thị Minh Phương	Thành viên độc lập	28 tháng 07 năm 2021

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

# Quỹ ETF IPAAM VN100

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ (sau đây được gọi tắt là Ban Tổng Giám đốc) chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Bà Nguyễn Thị Huyền Trang  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

# Quỹ ETF IPAAM VN100

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1.1 Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ ETF IPAAM VN100 là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn.

#### 1.2 Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, NAV/CCQ là 9.591,13 VND, giảm 4,09% so với ngày thành lập Quỹ.

#### 1.3 Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF IPAAM VN100 áp dụng chiến lược đầu tư thụ động, tập trung mô phỏng tỷ suất sinh lời của chỉ số tham chiếu VN100.

#### 1.4 Phân loại Quỹ

Phân loại Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục.

#### 1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không có.

#### 1.6 Mức độ rủi ro ngắn hạn

Trung bình.

#### 1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động quỹ

Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021, theo đó Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 1.8 Quy mô của Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tính đến kỳ báo cáo, số lượng Chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 5.300.000, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ là 9.591,13 VND.

#### 1.9 Chỉ số tham chiếu của Quỹ: VN100

#### 1.10 Chính sách phân phối lợi nhuận Quỹ

Quỹ không phân phối lợi nhuận.

#### 1.11 Lợi nhuận thuần thực tế đã phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ

Không có.

# Quỹ ETF IPAAM VN100

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 2. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 2.1 Cơ cấu tài sản

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Danh mục chứng khoán	99,33%	99,42%
Tiền	0,32%	0,51%
Tài sản khác	0,35%	0,07%
	<b>100%</b>	<b>100 %</b>

### 2.2 Chi tiết Chỉ tiêu hoạt động

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	50.832.994.056	47.001.463.686
Tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.300.000	5.700.000
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ (CCQ)	9.591,13	8.245,87
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	9.760,66	9.058,29
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	8.238,12	7.010,72
Tốc độ vòng quay danh mục trong năm (%)	5,30%	8,63%

### 2.3 Tăng trưởng qua các năm

	NAV/CCQ (đồng)	Tăng trưởng		
	31/12/2024	6 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày góp vốn
<b>FUEIP100</b>	9.591,13	3,26%	16,31%	-4,09%

# Quỹ ETF IPAAM VN100

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 3. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG NĂM 2024

Tính đến hết ngày 31/12, VN-Index đạt mức tăng trưởng 12,1% so với hồi đầu năm, thấp hơn mức tăng 14,6% của VNDAF. Nếu chỉ nhìn chỉ số chung, hiệu suất đầu tư chứng khoán từ đầu năm vượt trội hơn hẳn so với mức lãi suất tiền gửi 5 - 6% tại các ngân hàng thương mại (NHTM). Tuy nhiên thực tế đầu tư không hề dễ dàng, nhiều nhà đầu tư (NĐT) cho biết danh mục của họ vẫn đang thua lỗ dù thị trường hồi phục.

Nhìn lại 2024, Mỹ vẫn là động lực chính của tăng trưởng toàn cầu trong bối cảnh Trung Quốc phải vật lộn với khối nợ khổng lồ của chính quyền địa phương, thị trường bất động sản đóng băng kéo dài và nhu cầu nội địa suy giảm nghiêm trọng. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã liên tục trì hoãn kế hoạch cắt giảm lãi suất suốt 8 tháng đầu năm khiến đồng USD duy trì sức mạnh đáng kể, dòng tiền liên tục rút khỏi các nước đang phát triển và mới nổi để tập trung về Mỹ đã kéo dài mạch bán ròng của khối ngoại tại Việt Nam. Sự trở lại của Trump 2.0 với các kế hoạch kinh tế mới đầy tham vọng được dự báo sẽ làm thay đổi đường đi của kinh tế, lạm phát và lãi suất trong tương lai, từ đó gây nên nhiều biến động đối với dòng vốn quốc tế thời gian tới bất chấp việc chính sách tiền tệ của Mỹ chuyển hướng từ thắt chặt sang nới lỏng.

Kinh tế Việt Nam khép lại năm 2024 với tốc độ tăng trưởng ấn tượng (7%) từ mức nền thấp, đánh dấu năm mở đầu cho một chu kỳ hồi phục mới. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dần cải thiện từ giữa năm, dòng vốn bắt đầu được khai thông và thị trường bất động sản sôi động trở lại ở một số phân khúc. Tuy nhiên, động lực chính của tăng trưởng vẫn đến từ khối ngoại thông qua sự mở rộng mạnh mẽ của sản xuất và vốn đầu tư FDI, khách du lịch quốc tế tăng đột biến sau đại dịch trong khi sức khỏe của khối doanh nghiệp nội địa mới mạnh nha hồi phục trở lại kể từ nửa sau của năm. Những điểm nghẽn cổ hủu trong nền kinh tế như tiêu dùng yếu, sự chậm chạp trong giải ngân đầu tư công, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp hay rút vốn của nhà đầu tư ngoại vẫn chưa được giải quyết triệt để.

# Quỹ ETF IPAAM VN100

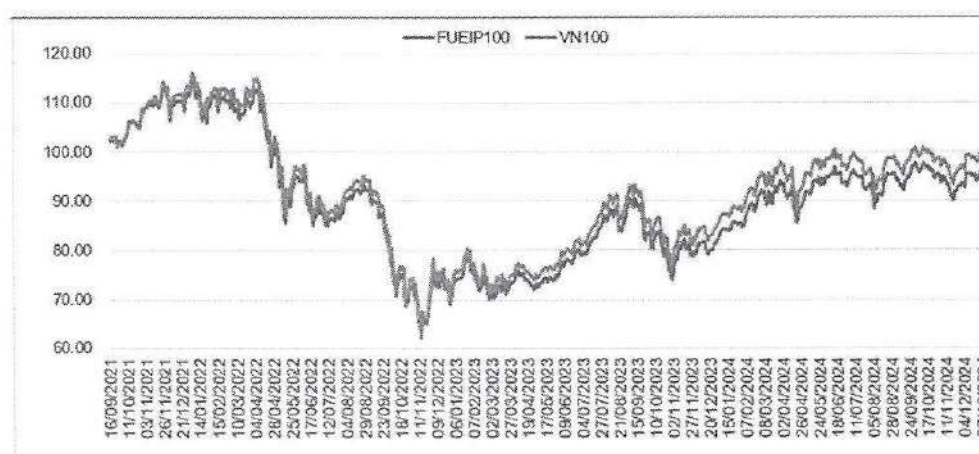
BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## 4. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 4.1 Số liệu chi tiết hoạt động của quỹ

	Chỉ số FUEIP100	Chỉ số VN100
Số lượng chứng khoán nắm giữ	70	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	11,85	12,93
P/B (x)	1,59	1,71
ROE (%)	13,44	13,17
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0,51%	
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	72,94%	
Cổ phiếu vốn hóa trung bình - VN MIDCAP	27,06%	

**Biểu đồ tăng trưởng của FUEIP100 và bám sát chỉ số VN100**



### 4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Số lượng nhà đầu tư	Tổ chức	Cá nhân
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	08	422
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07	799

### 4.3 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ

Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan	75,47%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 nhà đầu tư lớn nhất	91,82%
Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	2,22%
Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ, kể cả giao dịch ký danh	806

# Quỹ ETF IPAAM VN100

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 5. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

#### Triển vọng thị trường 2025

Định giá thị trường đang ở mức hấp dẫn. Định giá P/E của VN-Index khá hấp dẫn, khi đang giao dịch với mức chiết khấu 8,2% so với trung bình 5 năm, trong khi tăng trưởng EPS kỳ vọng cải thiện vào năm 2025.

Tiềm năng từ những dòng vốn ngoại khi thị trường được nâng hạng là rất lớn. Ngay sau khi thị trường Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng, cổ phiếu Việt Nam sẽ được các quỹ ETF mô phỏng các chỉ số của FTSE mua vào. Với vốn hóa thị trường của thị trường Việt Nam hiện bằng 1/4 so với vốn hóa thị trường Indonesia, chúng tôi ước tính tỷ trọng phân bổ cho các cổ phiếu Việt Nam của các quỹ ETF mô phỏng chỉ số FTSE sẽ dao động từ 0,05% đến 0,5% tổng tài sản ròng của từng ETF. Điều này có thể giúp thị trường Việt Nam thu hút gần 1,6 tỷ USD. Ngoài ra, dòng vốn đổ vào thị trường Việt Nam từ các quỹ đầu tư chủ động khi Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng cũng là rất lớn.

#### Chiến lược đầu tư năm 2025

Chiến lược tích sản đều đặn định kỳ hàng tháng đối với quỹ ETF là chiến lược khá hợp lý để nhà đầu tư có thể an tâm nắm giữ cùng thị trường chứng khoán, khi vừa tận dụng được đà tăng của thị trường trong trung – dài hạn và vừa tận dụng các nhịp điều chỉnh để gia tăng lượng nắm giữ.

### 6. THÔNG TIN KHÁC

#### Ban điều hành Quỹ

##### Bà Hồ Ngọc Anh

*Giám đốc đầu tư*

Bà Hồ Ngọc Anh đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích và quản lý đầu tư.

Bà tốt nghiệp hạng ưu về Tài chính ngân hàng tại Đại học Assumption, Thái Lan năm 2013.

Trước khi gia nhập IPAAM, bà từng làm chuyên viên phân tích tại Công ty Chứng khoán VNDIRECT.

Bà có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001760/QLQ do UBCKNN cấp ngày 01/03/2019.

##### Bà Phạm Thị Thúy Hằng

*Quản lý đầu tư*

Bà Hằng có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư tài chính. Trước khi gia nhập IPAAM, bà từng làm việc tại Alpha Securities và Ocean Securities.

Bà đã thi đỗ CFA level 2 và có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001738/QLQ do UBCKNN cấp ngày 03/01/2019. Bà Hằng tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh tế tại Đại học Ngoại thương.

# Quỹ ETF IPAAM VN100

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### 6. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### Ban đại diện Quỹ

##### Bà Nguyễn Thị Huyền Trang

*Thành viên độc lập*

*Chủ tịch Ban đại diện Quỹ*

Bà Trang hiện là Phó trưởng phòng Đầu tư, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.

Bà Trang có hơn 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý vốn và đầu tư. Bà từng làm việc tại Ban Quản lý vốn và đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí giữ vị trí Phó Ban Đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí.

Bà Trang tốt nghiệp Khoa Tài chính Ngân hàng và có bằng Thạc sĩ Quản lý Kinh tế của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

##### Bà Lê Thị Hoài

*Thành viên độc lập*

*Ban đại diện Quỹ*

Bà Hoài đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - kế toán. Bà hiện đang là Chuyên viên cao cấp Phòng Kế toán kiểm soát tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Bà Hoài có Chứng chỉ kế toán viên số 1119/KET do Bộ Tài Chính cấp ngày 13/12/2022.

Bà Hoài tốt nghiệp cử nhân ngành Kế toán - Đại học Kinh Doanh và Công nghệ Hà Nội.

##### Bà Hoàng Thị Minh Phương

*Thành viên độc lập*

*Ban đại diện Quỹ*

Bà Phương hiện là Chuyên viên pháp chế tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect.

Bà Phương có trình độ chuyên môn về pháp luật và kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân Luật tại Đại học Công đoàn và có Giấy chứng nhận đào tạo nghề Luật sư của Học viện Tư pháp.

Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Đầu tư  
Chứng khoán I.P.A



Phạm Minh Hương

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**



**Võ Trí Thanh**

**Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**



**Đoàn Thị Thu Hằng**

Số tham chiếu: 12860878/E-68441346

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Nhà đầu tư  
Quỹ ETF IPAAM VN100**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 và được trình bày từ trang 13 đến trang 58 bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future  
with confidence

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ hoán đổi danh mục.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đặng Phương Hà  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO THU NHẬP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>1</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>8.900.779.376</b>	<b>7.707.801.210</b>
2	1.1. Cổ tức được chia	5	952.972.502	774.022.800
3	1.2. Tiền lãi được nhận		748.874	662.220
4	1.3. Lỗ bán các khoản đầu tư	6	(288.261.140)	(2.228.087.609)
5	1.4. Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	7	8.235.319.140	9.161.203.799
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>6.047.315</b>	<b>10.525.766</b>
11	2.1. Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	8	6.047.315	10.525.766
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF</b>		<b>1.238.098.077</b>	<b>1.143.943.329</b>
20.1	3.1. Phí quản lý quỹ ETF		308.152.900	269.601.278
20.2	3.2. Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF		247.143.767	247.601.074
20.3	3.3. Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.4	3.4. Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5. Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		66.000.000	66.000.000
20.6	3.6. Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF		99.999.984	99.999.890
20.8	3.7. Chi phí kiểm toán		121.000.000	70.200.000
20.11	3.8. Chi phí hoạt động khác	9	131.801.426	126.541.087
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>7.656.633.984</b>	<b>6.553.332.115</b>
<b>30</b>	<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>7.656.633.984</b>	<b>6.553.332.115</b>
31	5.1. Lỗ đã thực hiện		(578.685.156)	(2.607.871.684)
32	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		8.235.319.140	9.161.203.799
<b>41</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ</b>		<b>7.656.633.984</b>	<b>6.553.332.115</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương  
Chủ tịch  
Kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	<b>I. TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	10	165.272.880	240.742.647
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		165.272.880	240.742.647
120	2. Các khoản đầu tư thuần	11	50.795.862.600	47.008.962.000
121	2.1. Các khoản đầu tư		50.795.862.600	47.008.962.000
130	3. Các khoản phải thu	12	178.460.000	33.082.000
131	3.1. Phải thu về bán các khoản đầu tư		160.010.000	-
133	3.2. Phải thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		18.450.000	33.082.000
136	3.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		18.450.000	33.082.000
137	3.3. Phải thu khác		-	-
100	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>51.139.595.480</b>	<b>47.282.786.647</b>
300	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
312	1. Phải trả mua các khoản đầu tư		203.439	-
314	2. Phải trả Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.800.000	1.800.000
316	3. Chi phí phải trả	14	83.200.000	59.400.000
319	4. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	15	221.197.985	219.922.961
320	5. Phải trả, phải nộp khác		200.000	200.000
300	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>306.601.424</b>	<b>281.322.961</b>
400	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF</b>		<b>50.832.994.056</b>	<b>47.001.463.686</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	16	53.000.000.000	57.000.000.000
412	1.1. Vốn góp phát hành		57.000.000.000	57.000.000.000
413	1.2. Vốn góp hoán đổi lại		(4.000.000.000)	-
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		598.197.682	423.301.296
420	3. Lỗ chưa phân phối	17	(2.765.203.626)	(10.421.837.610)
430	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>9.591,13</b>	<b>8.245,87</b>
440	<b>V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Bà Nguyễn Thị Thúy Lan  
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt

Bà Phạm Minh Hương  
Chủ tịch  
Kiêm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
004	Số lượng Chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành	19	5.300.000	5.700.000

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương  
Chủ tịch  
Kiêm Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2023
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF (NAV) đầu năm</b>	<b>47.001.463.686</b>	<b>40.448.131.571</b>
II	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm</b>	<b>7.656.633.984</b>	<b>6.553.332.115</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong năm	7.656.633.984	6.553.332.115
III	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng do hoán đổi lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ ETF</b>	<b>(3.825.103.614)</b>	<b>-</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ	(3.825.103.614)	-
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF cuối năm</b>	<b>50.832.994.056</b>	<b>47.001.463.686</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương  
Chủ tịch  
Kiểm Tổng Giám đốc

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>CỔ PHIẾU NIÊM YẾT</b>					
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	ACB	106.486	25.800	2.747.338.800	5,37%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	BCG	16.370	6.360	104.113.200	0,20%
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID	7.377	37.550	277.006.350	0,54%
4	Tập đoàn Bảo Việt	BVH	1.800	50.700	91.260.000	0,18%
5	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	CTG	21.377	37.800	808.050.600	1,58%
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	DBC	6.213	27.750	172.410.750	0,34%
7	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	DCM	3.400	35.600	121.040.000	0,24%
8	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	6.044	116.600	704.730.400	1,38%
9	Công ty Cổ phần Thế giới số	DGW	3.020	40.200	121.404.000	0,24%
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	DIG	12.974	18.900	245.208.600	0,48%
11	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	DPM	4.600	35.000	161.000.000	0,31%
12	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	DXG	16.116	15.600	251.409.600	0,49%
13	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	EIB	41.937	19.300	809.384.100	1,58%
14	Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	EVF	14.016	9.100	127.545.600	0,25%
15	Công ty Cổ phần FPT	FPT	32.496	152.500	4.955.640.000	9,69%
16	Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	1.785	185.600	331.296.000	0,65%
17	Công ty Cổ phần khí Việt Nam	GAS	2.960	68.100	201.576.000	0,39%
18	Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	GEX	17.085	19.100	326.323.500	0,64%
19	Công ty Cổ phần Gemadept	GMD	9.866	65.200	643.263.200	1,26%
20	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR	4.200	30.350	127.470.000	0,25%
21	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	HAG	16.800	12.050	202.440.000	0,40%
22	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	HCM	9.390	29.400	276.066.000	0,54%
23	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	HDB	68.949	25.500	1.758.199.500	3,44%
24	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	HDG	5.302	28.500	151.107.000	0,30%
25	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HHV	9.651	11.650	112.434.150	0,22%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>CỔ PHIẾU NIÊM YẾT</b> (tiếp theo)					
26	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	93.126	26.650	2.481.807.900	4,85%
27	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	HSG	13.953	18.450	257.432.850	0,50%
28	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	16.166	27.200	439.715.200	0,86%
29	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	KDC	3.894	58.400	227.409.600	0,44%
30	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	14.222	36.100	513.414.200	1,00%
31	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	LPB	69.245	31.250	2.163.906.250	4,23%
32	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	MBB	76.946	25.100	1.931.344.600	3,78%
33	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	MSB	61.944	11.650	721.647.600	1,41%
34	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	17.140	70.000	1.199.800.000	2,35%
35	Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	30.900	61.000	1.884.900.000	3,69%
36	Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	3.928	14.450	56.759.600	0,11%
37	Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long	NLG	7.578	36.550	276.975.900	0,54%
38	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL	33.500	10.250	343.375.000	0,67%
39	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	OCB	35.900	11.400	409.260.000	0,80%
40	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	PAN	3.500	23.750	83.125.000	0,16%
41	Công ty Cổ phần Tập Đoàn PC1	PC1	7.172	22.900	164.238.800	0,32%
42	Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	10.483	20.700	216.998.100	0,42%
43	Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX	3.400	37.500	127.500.000	0,25%
44	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	7.400	97.900	724.460.000	1,42%
45	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	POW	12.400	12.000	148.800.000	0,29%
46	Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	PVD	7.312	23.400	171.100.800	0,33%
47	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	4.770	27.700	132.129.000	0,26%
48	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	REE	5.090	67.900	345.611.000	0,68%
49	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB	3.700	55.500	205.350.000	0,40%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
<b>I</b>	<b>CỔ PHIẾU NIÊM YẾT (tiếp theo)</b>					
50	Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	SBT	11.704	13.100	153.322.400	0,30%
51	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	SHB	82.463	10.250	845.245.750	1,65%
52	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á	SSB	48.791	16.750	817.249.250	1,60%
53	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	39.210	26.050	1.021.420.500	2,00%
54	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	STB	49.900	36.900	1.841.310.000	3,60%
55	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	121.200	24.650	2.987.580.000	5,84%
56	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH	9.708	15.150	147.076.200	0,29%
57	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	TPB	35.049	16.650	583.565.850	1,14%
58	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VCB	16.383	91.200	1.494.129.600	2,92%
59	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	VCG	8.623	18.150	156.507.450	0,31%
60	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	VCI	10.689	33.200	354.874.800	0,69%
61	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	VHC	2.520	70.500	177.660.000	0,35%
62	Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	40.300	40.000	1.612.000.000	3,15%
63	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VIB	39.222	19.700	772.673.400	1,51%
64	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	VIC	30.400	40.550	1.232.720.000	2,41%
65	Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	36.785	9.850	362.332.250	0,71%
66	Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	VJC	7.600	100.000	760.000.000	1,49%
67	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	30.225	12.600	380.835.000	0,74%
68	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	22.100	63.400	1.401.140.000	2,74%
69	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	115.597	19.200	2.219.462.400	4,34%
70	Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	24.100	17.150	413.315.000	0,81%
	<b>Tổng</b>		<b>1.766.452</b>		<b>50.789.198.600</b>	<b>99,32%</b>

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã cổ phiếu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tổng giá trị	Tỷ lệ %/Tổng giá trị tài sản của Quỹ
II	CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC					
1	Quyền mua chứng khoán MIRNKG241		5.440	1.225	6.664.000	0,01%
	Tổng		5.440		6.664.600	0,01%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC					
1	Cổ tức được nhận				18.450.000	0,04%
2	Tiền bán chứng khoán chờ thu				160.010.000	0,31%
	Tổng				178.460.000	0,35%
III	TIỀN					
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF				165.272.880	0,32%
	Tổng				165.272.880	0,32%
IV	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC				51.139.595.480	100%

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương  
Chủ tịch  
Kiểm Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>7.656.633.984</b>	<b>6.553.332.115</b>
	Điều chỉnh lợi nhuận do việc mua lại chứng chỉ quỹ		(50.568.077)	-
02	<b>Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư</b>		<b>(8.114.319.140)</b>	<b>(9.091.003.799)</b>
03	Lãi chưa thực hiện	7	(8.235.319.140)	(9.161.203.799)
04	Chi phí trích trước		121.000.000	70.200.000
05	<b>Lỗ từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(508.253.233)</b>	<b>(2.537.671.684)</b>
20	Giảm các khoản đầu tư		875.586.617	2.583.791.769
06	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(160.010.000)	-
07	Giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		14.632.000	35.411.000
10	Tăng phải trả về mua các khoản đầu tư		203.439	-
13	(Giảm)/ Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		-	-
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		(97.200.000)	(73.000.000)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF		1.275.024	19.498.088
19	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>126.233.847</b>	<b>28.029.173</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
21	Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ		-	-
22	Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ		(201.703.614)	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(201.703.614)</b>	<b>-</b>
40	<b>III. (Giảm)/Tăng tiền thuần trong năm</b>		<b>(75.469.767)</b>	<b>28.029.173</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
50	<b>IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>10</b>	<b>240.742.647</b>	<b>212.713.474</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		240.742.647	212.713.474
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		240.742.647	212.713.474
53	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	-
55	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>10</b>	<b>165.272.880</b>	<b>240.742.647</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		165.272.880	240.742.647
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		165.272.880	240.742.647
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	-
60	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>(75.469.767)</b>	<b>28.029.173</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương  
Chủ tịch  
Kiểm Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**1.1 Thông tin về Quỹ**

**Quỹ**

Quỹ ETF IPAAM VN100 (“Quỹ”) được thành lập ngày 14 tháng 09 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký thành lập số 37/GCN-UBCK ngày 14 tháng 09 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ hoán đổi danh mục theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ là 52.000.000.000 đồng Việt Nam (“VND”). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 5.200.000 Chứng chỉ Quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ. Giá bán một lô Chứng chỉ Quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô Chứng chỉ Quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 53.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.300.000 Chứng chỉ Quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 100/GCN-UBCK ngày 28 tháng 07 năm 2021. Chứng chỉ Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 530/QĐ-SGDHCM ngày 29 tháng 09 năm 2021 do HOSE cấp.

Điều lệ hoạt động của Quỹ được Ban Đại diện Quỹ ban hành ngày 28 tháng 07 năm 2021.

**Công ty Quản lý Quỹ**

Quỹ ETF IPAAM VN100 được quản lý bởi Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A (sau đây được gọi tắt là “Công ty”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 số 0102703178 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 07 năm 2021, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 cấp ngày 08 tháng 03 năm 2024 và Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 03 năm 2008, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

<u>Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
02/GPĐC-UBCK	Ngày 08 tháng 03 năm 2017
22/GPĐC-UBCK	Ngày 11 tháng 04 năm 2019
12/GPĐC-UBCK	Ngày 05 tháng 03 năm 2024

Hoạt động chính hiện tại của Công ty là quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang quản lý năm (05) quỹ, bao gồm 3 Quỹ mở, 1 Quỹ hoán đổi danh mục, và 1 Quỹ thành viên. Bên cạnh đó, trong năm, Công ty cũng cung cấp dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho một số tổ chức trong nước.

Trụ sở chính của Công ty và Quỹ đặt tại số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 05 tháng 03 năm 2024 là Ông Vũ Hiền - Chức danh: Chủ tịch Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ từ ngày 05 tháng 03 năm 2024 đến ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương - Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc.

#### **Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Chức năng của Ngân hàng Giám sát bao gồm lưu trữ hồ sơ, lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC"). Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà Đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### **Quy mô vốn**

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập là 52.000.000.000 đồng Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn thực góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 53.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.300.000 Chứng chỉ Quỹ (*Thuyết minh 16*).

#### **Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)**

**Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ**

*Ngày định giá*

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF IPAAM VN100 được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

*Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

**Tần suất giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ**

Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày nếu đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan đến lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của Công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên website của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Các đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ Chính phủ;
- ▶ Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ (bao gồm: giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật) của một tổ chức, trừ công nợ của Chính phủ;
- ▶ Trừ trường hợp là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu, không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
  - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
  - (iv) Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- ▶ Không đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính quỹ đó;
- ▶ Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là tài sản quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- ▶ Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục Chỉ Số Tham Chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh, dư nợ vay khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

## **3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **3.1 Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Do vậy, báo cáo tài chính kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính, tình hình đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### **3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A khẳng định rằng báo cáo tài chính kèm theo tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3.3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

##### 4.1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại kỳ lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### 4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong quá trình chuyển đổi thành tiền.

##### 4.3. Các khoản đầu tư

###### *Ghi nhận ban đầu*

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

###### *Ghi nhận tiếp theo*

Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu, hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu, hoặc giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Trường hợp cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch vì lý do khác ngoài việc thay đổi sở giao dịch chứng khoán thì giá được xác định là một trong các mức giá sau: Giá trị sổ sách hoặc Mệnh giá hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.3. Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

*Quyền mua cổ phiếu:* Giá trị của quyền mua cổ phiếu là giá trị thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất đến Ngày Định Giá trừ đi giá phát hành nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 VND (không Đồng Việt Nam).

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư phù hợp với Thông tư số 98 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở.

*Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

*Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán*

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau;
  - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
  - ▶ Giá mua; hoặc
  - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận.

*Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

*Lãi/(lỗ) do bán các khoản đầu tư*

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi cổ phiếu, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

##### 4.5. Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

##### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Mỗi Chứng chỉ Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô Chứng chỉ Quỹ tương ứng với 100.000 Chứng chỉ Quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô Chứng chỉ Quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (02) số thập phân.

###### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

###### *Vốn góp hoán đổi lại*

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô Chứng chỉ Quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi – ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

###### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá mua lại Chứng chỉ Quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô Chứng chỉ Quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng với giá dịch vụ phát hành.

Giá mua lại là mức giá mà Công ty Quản lý Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô Chứng chỉ Quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô Chứng chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch trừ đi giá dịch vụ mua lại.

###### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

###### *Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư*

Nhà đầu tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho Nhà đầu tư được trích từ lợi nhuận trong năm hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật. Sau khi chi trả lợi tức, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và đảm bảo giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền hoặc Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm. Trường hợp Quỹ phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.7. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

###### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

###### *Cổ tức*

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được thiết lập.

###### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty Chứng khoán và Ngân hàng Giám sát.

##### 4.8. Chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền.

###### *Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Giá dịch vụ quản lý Quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ ETF IPAAM VN100. Giá dịch vụ quản lý Quỹ ETF IPAAM VN100 là 0,6% NAV/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng Giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

###### *Giá dịch vụ giám sát và giá dịch vụ lưu ký*

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát và giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng giám sát là 0,06% NAV/năm (không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)), giá dịch vụ lưu ký tối thiểu hàng tháng là 20.000.000 VND. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giám sát Quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Giá dịch vụ giám sát tối thiểu hàng tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng giám sát là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Trụ sở chính là: 0,03% giá trị giao dịch. Tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch và tối đa là 10.000.000 VND/ngày giao dịch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Mức phí trên chưa bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, chi phí pháp lý, chi phí tem thư...

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.8. *Chi phí* (tiếp theo)

###### *Giá dịch vụ quản trị Quỹ*

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng giám sát sẽ là 0,03% giá trị tài sản ròng một năm và thấp nhất là 15.000.000 đồng/tháng chưa bao gồm thuế VAT. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

###### *Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được xác định mỗi tháng là 5.000.000 VND (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng còn bao gồm cả phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

###### *Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu*

Giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu được trả cho Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cho dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số VN100. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

###### *Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)*

Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu. Giá dịch vụ được xác định là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 50.000.000 VND/năm. Số tiền giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

###### *Chi phí kiểm toán*

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với Công ty Kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

###### *Phụ cấp Ban Đại diện Quỹ*

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ để phục vụ cho lợi ích của Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

###### *Chi phí khác được pháp luật cho phép.*

##### 4.9. *Thuế*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### 4.9. Thuế (tiếp theo)

###### *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 08 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 20% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả cổ tức cho nhà đầu tư cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

###### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư số 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế cho Nhà nước theo Thông tư số 78.

##### 4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

##### 4.11. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ ETF không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

#### 5. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA

Đơn vị tính: VND

	Năm 2024	Năm 2023
Cổ tức đã nhận bằng tiền	934.522.502	740.940.800
Cổ tức phải thu	18.450.000	33.082.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>952.972.502</b>	<b>774.022.800</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lỗ bán chứng khoán kỳ trước
I	Lãi bán các khoản đầu tư	2.988.353.400	3.327.182.617	(338.829.217)	(2.228.087.609)
1	Cổ phiếu niêm yết	2.988.353.400	3.327.182.617	(338.829.217)	(2.228.087.609)
II	Lãi giao dịch chứng khoán trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ	3.623.400.000	3.572.831.923	50.568.077	-
1	Cổ phiếu giao dịch hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ	3.623.400.000	3.572.831.923	50.568.077	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.611.753.400</b>	<b>6.900.014.540</b>	<b>(288.261.140)</b>	<b>(2.228.087.609)</b>

7. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Đơn vị tính: VND

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chênh lệch điều chỉnh số cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
1	Cổ phiếu niêm yết	50.261.233.509	50.789.198.600	527.965.091	(7.718.447.649)	8.246.412.740
2	Quyền mua chứng khoán	-	6.664.000	6.664.000	17.757.600	(11.093.600)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>50.261.233.509</b>	<b>50.795.862.600</b>	<b>534.629.091</b>	<b>(7.700.690.049)</b>	<b>8.235.319.140</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
Chi phí môi giới, giao dịch bán các khoản đầu tư	6.047.315	10.525.766

**9. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm 2024</i>	<i>Năm 2023</i>
Chi phí thù lao Ban đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000	30.000.000
Phí dịch vụ lưu ký - Phí thực hiện quyền trả VSDC	20.000.000	16.700.000
Chi phí thường niên trả UBCK	7.500.000	7.500.000
Phí dịch vụ lưu ký - Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSDC	2.000.000	-
Chi phí ngân hàng	301.426	341.087
<b>Tổng cộng</b>	<b>131.801.426</b>	<b>126.541.087</b>

**10. TIỀN GỬI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND cho hoạt động của Quỹ ETF	165.272.880	240.742.647

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

# 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Cổ phiếu niêm yết	Giá mua (*)	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	(Giảm)	
1	ACB	2.095.165.837	2.747.338.800	652.172.963	-	2.747.338.800
2	BCG	156.722.191	104.113.200	-	(52.608.991)	104.113.200
3	BID	171.329.262	277.006.350	105.677.088	-	277.006.350
4	BVH	114.917.141	91.260.000	-	(23.657.141)	91.260.000
5	CTG	615.306.002	808.050.600	192.744.598	-	808.050.600
6	DBC	160.346.463	172.410.750	12.064.287	-	172.410.750
7	DCM	112.200.000	121.040.000	8.840.000	-	121.040.000
8	DGC	328.719.523	704.730.400	376.010.877	-	704.730.400
9	DGW	180.133.106	121.404.000	-	(58.729.106)	121.404.000
10	DIG	393.221.708	245.208.600	-	(148.013.108)	245.208.600
11	DPM	163.876.725	161.000.000	-	(2.876.725)	161.000.000
12	DXG	325.471.496	251.409.600	-	(74.061.896)	251.409.600
13	EIB	680.544.115	809.384.100	128.839.985	-	809.384.100
14	EVF	190.758.372	127.545.600	-	(63.212.772)	127.545.600
15	FPT	1.903.424.624	4.955.640.000	3.052.215.376	-	4.955.640.000
16	FRT	98.873.479	331.296.000	232.422.521	-	331.296.000
17	GAS	218.216.892	201.576.000	-	(16.640.892)	201.576.000
18	GEX	369.661.104	326.323.500	-	(43.337.604)	326.323.500
19	GMD	436.250.342	643.263.200	207.012.858	-	643.263.200
20	GVR	148.971.764	127.470.000	-	(21.501.764)	127.470.000
21	HAG	153.720.000	202.440.000	48.720.000	-	202.440.000
22	HCM	252.860.654	276.066.000	23.205.346	-	276.066.000
23	HDB	1.248.479.493	1.758.199.500	509.720.007	-	1.758.199.500
24	HDG	187.569.558	151.107.000	-	(36.462.558)	151.107.000
25	HHV	131.326.660	112.434.150	-	(18.892.510)	112.434.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN** (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*)	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	(Giảm)	
26	HPG	3.152.163.155	2.481.807.900	-	(670.355.255)	2.481.807.900
27	HSG	439.614.801	257.432.850	-	(182.181.951)	257.432.850
28	KBC	472.185.420	439.715.200	-	(32.470.220)	439.715.200
29	KDC	194.988.930	227.409.600	32.420.670	-	227.409.600
30	KDH	438.522.062	513.414.200	74.892.138	-	513.414.200
31	LPB	835.977.844	2.163.906.250	1.327.928.406	-	2.163.906.250
32	MBB	1.595.040.179	1.931.344.600	336.304.421	-	1.931.344.600
33	MSB	781.076.887	721.647.600	-	(59.429.287)	721.647.600
34	MSN	1.865.078.367	1.199.800.000	-	(665.278.367)	1.199.800.000
35	MWVG	2.167.562.237	1.884.900.000	-	(282.662.237)	1.884.900.000
36	NKG	100.109.445	56.759.600	-	(43.349.845)	56.759.600
37	NLG	270.953.584	276.975.900	6.022.316	-	276.975.900
38	NVL	381.900.000	343.375.000	-	(38.525.000)	343.375.000
39	OCB	548.855.769	409.260.000	-	(139.595.769)	409.260.000
40	PAN	82.736.110	83.125.000	388.890	-	83.125.000
41	PC1	134.005.667	164.238.800	30.233.133	-	164.238.800
42	PDR	494.376.523	216.998.100	-	(277.378.423)	216.998.100
43	PLX	165.437.351	127.500.000	-	(37.937.351)	127.500.000
44	PNJ	507.807.380	724.460.000	216.652.620	-	724.460.000
45	POW	149.502.855	148.800.000	-	(702.855)	148.800.000
46	PVD	118.238.182	171.100.800	52.862.618	-	171.100.800
47	PVT	86.293.636	132.129.000	45.835.364	-	132.129.000
48	REE	199.610.473	345.611.000	146.000.527	-	345.611.000
49	SAB	305.655.575	205.350.000	-	(100.305.575)	205.350.000
50	SBT	193.437.517	153.322.400	-	(40.115.117)	153.322.400
51	SHB	922.955.885	845.245.750	-	(77.710.135)	845.245.750
52	SSB	1.107.910.216	817.249.250	-	(290.660.966)	817.249.250

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

# 11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẦN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	Cổ phiếu	Giá mua (*)	Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
				Tăng	(Giảm)	
53	SSI	1.300.975.324	1.021.420.500	-	(279.554.824)	1.021.420.500
54	STB	1.365.988.230	1.841.310.000	475.321.770	-	1.841.310.000
55	TCB	2.973.741.241	2.987.580.000	13.838.759	-	2.987.580.000
56	TCH	170.314.285	147.076.200	-	(23.238.085)	147.076.200
57	TPB	550.767.785	583.565.850	32.798.065	-	583.565.850
58	VCB	1.109.962.289	1.494.129.600	384.167.311	-	1.494.129.600
59	VCG	252.350.528	156.507.450	-	(95.843.078)	156.507.450
60	VCI	393.722.039	354.874.800	-	(38.847.239)	354.874.800
61	VHC	138.810.001	177.660.000	38.849.999	-	177.660.000
62	VHM	2.650.026.405	1.612.000.000	-	(1.038.026.405)	1.612.000.000
63	VIB	774.751.488	772.673.400	-	(2.078.088)	772.673.400
64	VIC	2.684.489.999	1.232.720.000	-	(1.451.769.999)	1.232.720.000
65	VIX	448.100.238	362.332.250	-	(85.767.988)	362.332.250
66	VJC	966.660.215	760.000.000	-	(206.660.215)	760.000.000
67	VND	735.241.684	380.835.000	-	(354.406.684)	380.835.000
68	VNM	1.918.460.682	1.401.140.000	-	(517.320.682)	1.401.140.000
69	VPB	2.634.660.671	2.219.462.400	-	(415.198.271)	2.219.462.400
70	VRE	642.147.844	413.315.000	-	(228.832.844)	413.315.000
	<b>Quyền mua chứng khoán</b>					
1	MIRNKG241	-	6.664.000	6.664.000	-	6.664.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>50.261.233.509</b>	<b>50.795.862.600</b>	<b>8.770.826.913</b>	<b>(8.236.197.822)</b>	<b>50.795.862.600</b>

(\*) Giá mua được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối năm và giá vốn của chứng khoán thương mại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu về bán các khoản đầu tư	160.010.000	-
Phải thu về dự thu cổ tức	18.450.000	33.082.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>178.460.000</b>	<b>33.082.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	1.800.000	7.200.000	(7.200.000)	1.800.000

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phí kiểm toán	67.000.000	43.200.000
Thù lao Ban Đại Diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên cho UBCK	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.200.000</b>	<b>59.400.000</b>

**15. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phí phải trả Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM	86.498.610	92.135.998
Phí quản lý Quỹ	76.099.375	69.286.963
Phí dịch vụ lưu ký Ngân hàng Giám sát	20.100.000	20.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phí phải trả Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>221.197.985</b>	<b>219.922.961</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

# 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	<i>Đơn vị</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	10.074,26	-	10.074,26
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	57.000.000.000	-	57.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	423.301.296	-	423.301.296
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
<b>Vốn góp hoán đổi lại</b>				
Số lượng (6)	CCQ	-	(400.000)	(400.000)
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	-	9.562,76	9.562,76
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	-	174.896.386	174.896.386
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	-	(3.825.103.614)	(3.825.103.614)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)</b>	<b>CCQ</b>	<b>5.700.000</b>	<b>(400.000)</b>	<b>5.300.000</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)</b>	<b>VND</b>	<b>57.423.301.296</b>	<b>(3.825.103.614)</b>	<b>53.598.197.682</b>
<b>Lãi /(lỗ) lũy kế (13)</b>	<b>VND</b>	<b>(10.421.837.610)</b>	<b>7.656.633.984</b>	<b>(2.765.203.626)</b>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)</b>	<b>VND</b>	<b>47.001.463.686</b>	<b>3.831.530.370</b>	<b>50.832.994.056</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ</b>	<b>VND</b>	<b>824.587.082</b>	<b>134.526.013</b>	<b>959.113.095</b>
<b>Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>8.245,87</b>	<b>1.345,26</b>	<b>9.591,13</b>

# 17. LỢI NHUẬN/(LỖ) CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Lợi nhuận/(Lỗ) đã thực hiện	(2.721.147.561)	(578.685.156)	(3.299.832.717)
Lợi nhuận/(Lỗ) chưa thực hiện	(7.700.690.049)	8.235.319.140	534.629.091
<b>Tổng cộng</b>	<b>(10.421.837.610)</b>	<b>7.656.633.984</b>	<b>(2.765.203.626)</b>

*Đơn vị tính: VND*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

# 18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
1	01/01/2024	46.998.254.263	5.700.000	8.245,30	
2	02/01/2024	46.957.315.112	5.700.000	8.238,12	(7,18)
3	03/01/2024	47.479.923.043	5.700.000	8.329,81	91,69
4	04/01/2024	47.847.877.142	5.700.000	8.394,36	64,55
5	07/01/2024	48.006.039.369	5.700.000	8.422,11	27,75
6	08/01/2024	48.112.121.236	5.700.000	8.440,72	18,61
7	09/01/2024	47.983.753.857	5.700.000	8.418,20	(22,52)
8	10/01/2024	47.969.375.571	5.700.000	8.415,67	(2,53)
9	11/01/2024	48.079.499.573	5.700.000	8.434,99	19,32
10	14/01/2024	47.936.196.035	5.700.000	8.409,85	(25,14)
11	15/01/2024	47.757.228.370	5.700.000	8.378,46	(31,39)
12	16/01/2024	48.212.043.949	5.700.000	8.458,25	79,79
13	17/01/2024	48.134.795.294	5.700.000	8.444,70	(13,55)
14	18/01/2024	48.437.704.174	5.700.000	8.497,84	53,14
15	21/01/2024	48.803.926.209	5.700.000	8.562,09	64,25
16	22/01/2024	48.950.267.536	5.700.000	8.587,76	25,67
17	23/01/2024	48.760.181.829	5.700.000	8.554,41	(33,35)
18	24/01/2024	48.590.865.148	5.700.000	8.524,71	(29,70)
19	25/01/2024	48.553.805.874	5.700.000	8.518,21	(6,50)
20	28/01/2024	48.749.915.370	5.700.000	8.552,61	34,40
21	29/01/2024	48.641.025.766	5.700.000	8.533,51	(19,10)
22	30/01/2024	48.831.306.047	5.700.000	8.566,89	33,38
23	31/01/2024	48.207.230.449	5.700.000	8.457,40	(109,49)
24	01/02/2024	48.498.325.989	5.700.000	8.508,47	51,07
25	04/02/2024	48.539.216.417	5.700.000	8.515,65	7,18
26	05/02/2024	49.299.817.991	5.700.000	8.649,09	133,44
27	06/02/2024	49.416.771.547	5.700.000	8.669,60	20,51
28	08/02/2024	49.904.481.455	5.700.000	8.755,17	85,57
29	14/02/2024	49.884.225.658	5.700.000	8.751,61	(3,56)
30	15/02/2024	50.138.046.590	5.700.000	8.796,14	44,53
31	18/02/2024	50.342.153.595	5.700.000	8.831,95	35,81
32	19/02/2024	50.818.091.379	5.700.000	8.915,45	83,50
33	20/02/2024	50.868.750.782	5.700.000	8.924,34	8,89
34	21/02/2024	50.909.825.312	5.700.000	8.931,54	7,20
35	22/02/2024	50.792.045.323	5.700.000	8.910,88	(20,66)
36	25/02/2024	49.989.307.232	5.700.000	8.770,05	(140,83)
37	26/02/2024	50.497.061.151	5.700.000	8.859,13	89,08
38	27/02/2024	51.092.713.583	5.700.000	8.963,63	104,50
39	28/02/2024	51.665.952.367	5.700.000	9.064,20	100,57
40	29/02/2024	51.738.878.197	5.700.000	9.076,99	12,79
41	03/03/2024	51.976.775.832	5.700.000	9.118,73	41,74
42	04/03/2024	52.106.460.117	5.700.000	9.141,48	22,75
43	05/03/2024	52.548.385.757	5.700.000	9.219,01	77,53
44	06/03/2024	52.114.070.967	5.700.000	9.142,81	(76,20)
45	07/03/2024	52.437.645.323	5.700.000	9.199,58	56,77
46	10/03/2024	51.425.414.987	5.700.000	9.022,00	(177,58)
47	11/03/2024	50.841.775.805	5.700.000	8.919,60	(102,40)
48	12/03/2024	51.103.866.976	5.700.000	8.965,59	45,99
49	13/03/2024	52.396.364.258	5.700.000	9.192,34	226,75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
50	14/03/2024	52.019.234.223	5.700.000	9.126,18	(66,16)
51	17/03/2024	51.890.415.256	5.700.000	9.103,58	(22,60)
52	18/03/2024	51.019.959.653	5.700.000	8.950,87	(152,71)
53	19/03/2024	50.957.296.277	5.700.000	8.939,87	(11,00)
54	20/03/2024	51.953.660.417	5.700.000	9.114,67	174,80
55	21/03/2024	52.786.483.804	5.700.000	9.260,78	146,11
56	24/03/2024	52.941.037.314	5.700.000	9.287,90	27,12
57	25/03/2024	52.335.488.444	5.700.000	9.181,66	(106,24)
58	26/03/2024	53.015.038.846	5.700.000	9.300,88	119,22
59	27/03/2024	53.113.347.974	5.700.000	9.318,13	17,25
60	28/03/2024	53.613.168.508	5.700.000	9.405,81	87,68
61	31/03/2024	53.376.308.656	5.700.000	9.364,26	(41,55)
62	01/04/2024	53.201.245.264	5.700.000	9.333,55	(30,71)
63	02/04/2024	53.332.549.619	5.700.000	9.356,58	23,03
64	03/04/2024	52.581.820.431	5.700.000	9.224,88	(131,70)
65	04/04/2024	52.291.900.696	5.700.000	9.174,01	(50,87)
66	07/04/2024	51.758.819.764	5.700.000	9.080,49	(93,52)
67	08/04/2024	51.566.603.670	5.700.000	9.046,77	(33,72)
68	09/04/2024	52.196.310.352	5.700.000	9.157,24	110,47
69	10/04/2024	52.042.466.441	5.700.000	9.130,25	(26,99)
70	11/04/2024	52.032.431.660	5.700.000	9.128,49	(1,76)
71	14/04/2024	52.915.141.307	5.700.000	9.283,35	154,86
72	15/04/2024	50.334.480.912	5.700.000	8.830,61	(452,74)
73	16/04/2024	50.401.390.470	5.700.000	8.842,34	11,73
74	18/04/2024	49.519.785.564	5.700.000	8.687,68	(154,66)
75	21/04/2024	48.719.595.510	5.700.000	8.547,29	(140,39)
76	22/04/2024	49.414.176.102	5.700.000	8.669,15	121,86
77	23/04/2024	49.040.799.520	5.700.000	8.603,64	(65,51)
78	24/04/2024	50.455.843.185	5.700.000	8.851,90	248,26
79	25/04/2024	50.452.592.653	5.700.000	8.851,33	(0,57)
80	30/04/2024	50.683.919.276	5.700.000	8.891,91	40,58
81	01/05/2024	50.680.649.485	5.700.000	8.891,34	(0,57)
82	02/05/2024	50.919.745.175	5.700.000	8.933,28	41,94
83	03/05/2024	51.187.898.269	5.700.000	8.980,33	47,05
84	05/05/2024	51.181.342.187	5.700.000	8.979,18	(1,15)
85	06/05/2024	52.007.061.452	5.700.000	9.124,04	144,86
86	07/05/2024	52.368.221.696	5.700.000	9.187,40	63,36
87	08/05/2024	52.420.305.886	5.700.000	9.196,54	9,14
88	09/05/2024	52.239.698.487	5.700.000	9.164,85	(31,69)
89	12/05/2024	52.140.397.173	5.700.000	9.147,43	(17,42)
90	13/05/2024	51.962.109.124	5.700.000	9.116,15	(31,28)
91	14/05/2024	52.121.341.215	5.700.000	9.144,09	27,94
92	15/05/2024	52.644.948.172	5.700.000	9.235,95	91,86
93	16/05/2024	53.420.546.914	5.700.000	9.372,02	136,07
94	19/05/2024	53.692.655.707	5.700.000	9.419,76	47,74
95	20/05/2024	53.804.969.597	5.700.000	9.439,46	19,70
96	21/05/2024	53.824.671.964	5.700.000	9.442,92	3,46
97	22/05/2024	53.421.791.436	5.700.000	9.372,24	(70,68)
98	23/05/2024	53.997.677.417	5.700.000	9.473,27	101,03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
99	26/05/2024	53.024.420.626	5.700.000	9.302,52	(170,75)
100	27/05/2024	53.160.689.635	5.700.000	9.326,43	23,91
101	28/05/2024	53.837.090.499	5.700.000	9.445,10	118,67
102	29/05/2024	53.399.904.702	5.700.000	9.368,40	(76,70)
103	30/05/2024	53.218.512.506	5.700.000	9.336,58	(31,82)
104	31/05/2024	53.242.378.663	5.700.000	9.340,76	4,18
105	02/06/2024	53.235.640.171	5.700.000	9.339,58	(1,18)
106	03/06/2024	54.086.276.570	5.700.000	9.488,82	149,24
107	04/06/2024	54.155.528.733	5.700.000	9.500,96	12,14
108	05/06/2024	54.046.567.133	5.700.000	9.481,85	(19,11)
109	06/06/2024	54.090.740.409	5.700.000	9.489,60	7,75
110	09/06/2024	54.304.525.722	5.700.000	9.527,10	37,50
111	10/06/2024	54.445.574.621	5.700.000	9.551,85	24,75
112	11/06/2024	54.264.698.895	5.700.000	9.520,12	(31,73)
113	12/06/2024	55.175.714.834	5.700.000	9.679,94	159,82
114	13/06/2024	55.310.540.513	5.700.000	9.703,60	23,66
115	16/06/2024	54.478.183.085	5.700.000	9.557,57	(146,03)
116	17/06/2024	54.247.175.946	5.700.000	9.517,04	(40,53)
117	18/06/2024	54.307.981.560	5.700.000	9.527,71	10,67
118	19/06/2024	54.395.635.887	5.700.000	9.543,09	15,38
119	20/06/2024	54.621.992.703	5.700.000	9.582,80	39,71
120	23/06/2024	54.601.496.061	5.700.000	9.579,20	(3,60)
121	24/06/2024	53.345.991.646	5.700.000	9.358,94	(220,26)
122	25/06/2024	53.422.441.127	5.700.000	9.372,35	13,41
123	26/06/2024	53.522.376.057	5.700.000	9.389,89	17,54
124	27/06/2024	53.440.463.693	5.700.000	9.375,51	(14,38)
125	30/06/2024	52.941.027.892	5.700.000	9.287,89	(87,62)
126	01/07/2024	53.194.724.536	5.700.000	9.332,40	44,51
127	02/07/2024	53.768.640.383	5.700.000	9.433,09	100,69
128	03/07/2024	54.138.252.720	5.700.000	9.497,93	64,84
129	04/07/2024	54.369.226.971	5.700.000	9.538,46	40,53
130	07/07/2024	54.592.520.790	5.700.000	9.577,63	39,17
131	08/07/2024	54.588.906.540	5.700.000	9.577,00	(0,63)
132	09/07/2024	54.910.338.220	5.700.000	9.633,39	56,39
133	10/07/2024	54.478.184.086	5.700.000	9.557,57	(75,82)
134	11/07/2024	54.346.287.913	5.700.000	9.534,43	(23,14)
135	14/07/2024	54.205.779.703	5.700.000	9.509,78	(24,65)
136	15/07/2024	54.091.148.383	5.700.000	9.489,67	(20,11)
137	16/07/2024	54.210.000.594	5.700.000	9.510,52	20,85
138	17/07/2024	53.985.434.687	5.700.000	9.471,12	(39,40)
139	18/07/2024	54.167.847.539	5.700.000	9.503,13	32,01
140	21/07/2024	53.916.165.273	5.700.000	9.458,97	(44,16)
141	22/07/2024	52.665.559.189	5.600.000	9.404,56	(54,41)
142	23/07/2024	51.764.744.387	5.600.000	9.243,70	(160,86)
143	24/07/2024	51.953.371.043	5.600.000	9.277,38	33,68
144	25/07/2024	51.629.487.708	5.600.000	9.219,55	(57,83)
145	28/07/2024	51.954.461.864	5.600.000	9.277,58	58,03
146	29/07/2024	52.113.324.548	5.600.000	9.305,95	28,37
147	30/07/2024	52.046.702.424	5.600.000	9.294,05	(11,90)

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
148	31/07/2024	52.360.163.205	5.600.000	9.350,02	55,97
149	01/08/2024	51.191.814.145	5.600.000	9.141,39	(208,63)
150	04/08/2024	51.597.492.317	5.600.000	9.213,83	72,44
151	05/08/2024	49.450.283.858	5.600.000	8.830,40	(383,43)
152	06/08/2024	50.414.454.892	5.600.000	9.002,58	172,18
153	07/08/2024	50.491.760.759	5.600.000	9.016,38	13,80
154	08/08/2024	50.111.181.065	5.600.000	8.948,42	(67,96)
155	11/08/2024	50.953.506.925	5.600.000	9.098,84	150,42
156	12/08/2024	51.293.979.191	5.600.000	9.159,63	60,79
157	13/08/2024	51.175.421.800	5.600.000	9.138,46	(21,17)
158	14/08/2024	51.139.209.903	5.600.000	9.132,00	(6,46)
159	15/08/2024	50.938.434.547	5.600.000	9.096,14	(35,86)
160	18/08/2024	52.228.415.589	5.600.000	9.326,50	230,36
161	19/08/2024	52.629.010.369	5.600.000	9.398,03	71,53
162	20/08/2024	52.983.932.030	5.600.000	9.461,41	63,38
163	21/08/2024	53.446.175.413	5.600.000	9.543,95	82,54
164	22/08/2024	53.458.159.350	5.600.000	9.546,09	2,14
165	25/08/2024	53.529.450.753	5.600.000	9.558,83	12,74
166	26/08/2024	52.401.835.266	5.500.000	9.527,60	(31,23)
167	27/08/2024	52.435.176.323	5.500.000	9.533,66	6,06
168	28/08/2024	52.493.457.925	5.500.000	9.544,26	10,60
169	29/08/2024	51.554.167.583	5.400.000	9.547,06	2,80
170	31/08/2024	51.716.093.086	5.400.000	9.577,05	29,99
171	03/09/2024	51.706.101.430	5.400.000	9.575,20	(1,85)
172	04/09/2024	51.216.464.337	5.400.000	9.484,53	(90,67)
173	05/09/2024	50.856.036.702	5.400.000	9.417,78	(66,75)
174	08/09/2024	51.044.407.440	5.400.000	9.452,66	34,88
175	09/09/2024	50.773.729.405	5.400.000	9.402,54	(50,12)
176	10/09/2024	50.297.915.375	5.400.000	9.314,42	(88,12)
177	11/09/2024	50.222.015.284	5.400.000	9.300,37	(14,05)
178	12/09/2024	50.312.388.562	5.400.000	9.317,10	16,73
179	15/09/2024	50.257.927.731	5.400.000	9.307,02	(10,08)
180	16/09/2024	49.734.142.188	5.400.000	9.210,02	(97,00)
181	17/09/2024	50.578.556.952	5.400.000	9.366,39	156,37
182	18/09/2024	50.820.011.058	5.400.000	9.411,11	44,72
183	19/09/2024	51.101.852.294	5.400.000	9.463,30	52,19
184	22/09/2024	51.354.158.348	5.400.000	9.510,02	46,72
185	23/09/2024	51.198.125.105	5.400.000	9.481,13	(28,89)
186	24/09/2024	51.637.021.717	5.400.000	9.562,41	81,28
187	25/09/2024	52.164.819.077	5.400.000	9.660,15	97,74
188	26/09/2024	52.425.478.128	5.400.000	9.708,42	48,27
189	29/09/2024	52.478.666.625	5.400.000	9.718,27	9,85
190	30/09/2024	52.510.997.134	5.400.000	9.724,25	5,98
191	01/10/2024	52.707.592.275	5.400.000	9.760,66	36,41
192	02/10/2024	52.481.330.976	5.400.000	9.718,76	(41,90)
193	03/10/2024	52.094.997.260	5.400.000	9.647,22	(71,54)
194	06/10/2024	51.747.313.964	5.400.000	9.582,83	(64,39)
195	07/10/2024	51.796.465.042	5.400.000	9.591,93	9,10
196	08/10/2024	51.962.475.098	5.400.000	9.622,68	30,75

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
197	09/10/2024	52.434.645.114	5.400.000	9.710,11	87,43
198	10/10/2024	52.630.697.640	5.400.000	9.746,42	36,31
199	13/10/2024	52.670.764.226	5.400.000	9.753,84	7,42
200	14/10/2024	52.415.623.054	5.400.000	9.706,59	(47,25)
201	15/10/2024	52.184.991.013	5.400.000	9.663,88	(42,71)
202	16/10/2024	52.038.581.872	5.400.000	9.636,77	(27,11)
203	17/10/2024	52.450.455.379	5.400.000	9.713,04	76,27
204	20/10/2024	52.401.066.279	5.400.000	9.703,90	(9,14)
205	21/10/2024	52.207.938.211	5.400.000	9.668,13	(35,77)
206	22/10/2024	51.874.175.415	5.400.000	9.606,32	(61,81)
207	23/10/2024	51.016.257.514	5.300.000	9.625,70	19,38
208	24/10/2024	50.340.267.964	5.300.000	9.498,16	(127,54)
209	27/10/2024	50.167.540.115	5.300.000	9.465,57	(32,59)
210	28/10/2024	50.276.803.434	5.300.000	9.486,18	20,61
211	29/10/2024	50.563.647.469	5.300.000	9.540,31	54,13
212	30/10/2024	50.492.476.124	5.300.000	9.526,88	(13,43)
213	31/10/2024	50.651.235.121	5.300.000	9.556,83	29,95
214	03/11/2024	50.140.445.225	5.300.000	9.460,46	(96,37)
215	04/11/2024	49.659.160.462	5.300.000	9.369,65	(90,81)
216	05/11/2024	49.704.200.360	5.300.000	9.378,15	8,50
217	06/11/2024	50.337.975.418	5.300.000	9.497,73	119,58
218	07/11/2024	50.254.170.150	5.300.000	9.481,91	(15,82)
219	10/11/2024	49.917.217.480	5.300.000	9.418,34	(63,57)
220	11/11/2024	49.691.840.331	5.300.000	9.375,81	(42,53)
221	12/11/2024	49.424.860.009	5.300.000	9.325,44	(50,37)
222	13/11/2024	49.490.833.605	5.300.000	9.337,89	12,45
223	14/11/2024	48.813.805.650	5.300.000	9.210,15	(127,74)
224	17/11/2024	48.197.940.135	5.300.000	9.093,95	(116,20)
225	18/11/2024	48.174.606.509	5.300.000	9.089,54	(4,41)
226	19/11/2024	47.676.073.966	5.300.000	8.995,48	(94,06)
227	20/11/2024	48.198.412.300	5.300.000	9.094,04	98,56
228	21/11/2024	48.728.430.995	5.300.000	9.194,04	100,00
229	24/11/2024	48.646.718.708	5.300.000	9.178,62	(15,42)
230	25/11/2024	48.885.006.236	5.300.000	9.223,58	44,96
231	26/11/2024	49.176.568.311	5.300.000	9.278,59	55,01
232	27/11/2024	49.256.067.406	5.300.000	9.293,59	15,00
233	28/11/2024	49.262.980.687	5.300.000	9.294,90	1,31
234	30/11/2024	49.591.379.280	5.300.000	9.356,86	61,96
235	01/12/2024	49.588.141.061	5.300.000	9.356,25	(0,61)
236	02/12/2024	49.599.192.560	5.300.000	9.358,33	2,08
237	03/12/2024	49.616.567.275	5.300.000	9.361,61	3,28
238	04/12/2024	49.154.233.569	5.300.000	9.274,38	(87,23)
239	05/12/2024	50.609.564.005	5.300.000	9.548,97	274,59
240	08/12/2024	50.648.805.986	5.300.000	9.556,37	7,40
241	09/12/2024	50.680.164.064	5.300.000	9.562,29	5,92
242	10/12/2024	50.651.985.085	5.300.000	9.556,97	(5,32)
243	11/12/2024	50.620.692.738	5.300.000	9.551,07	(5,90)
244	12/12/2024	50.577.591.398	5.300.000	9.542,94	(8,13)
245	15/12/2024	50.379.473.176	5.300.000	9.505,56	(37,38)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
246	16/12/2024	50.420.964.354	5.300.000	9.513,38	7,82
247	17/12/2024	50.289.629.935	5.300.000	9.488,60	(24,78)
248	18/12/2024	50.442.800.505	5.300.000	9.517,50	28,90
249	19/12/2024	49.888.135.004	5.300.000	9.412,85	(104,65)
250	22/12/2024	49.942.037.064	5.300.000	9.423,02	10,17
251	23/12/2024	50.160.152.733	5.300.000	9.464,17	41,15
252	24/12/2024	50.127.164.903	5.300.000	9.457,95	(6,22)
253	25/12/2024	50.784.741.163	5.300.000	9.582,02	124,07
254	26/12/2024	50.720.563.155	5.300.000	9.569,91	(12,11)
255	29/12/2024	50.938.618.521	5.300.000	9.611,06	41,15
256	30/12/2024	50.954.338.852	5.300.000	9.614,02	2,96
257	31/12/2024	50.832.994.056	5.300.000	9.591,13	(22,89)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND)

51.369.299.901

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 452,74  
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,57

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 9.760,66  
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 8.238,12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
1	02/01/2023	40.442.161.158	5.700.000	7.095,11	
2	03/01/2023	41.953.749.843	5.700.000	7.360,30	265,19
3	04/01/2023	42.048.941.133	5.700.000	7.377,00	16,70
4	05/01/2023	42.460.752.404	5.700.000	7.449,25	72,25
5	08/01/2023	42.266.274.425	5.700.000	7.415,13	(34,12)
6	09/01/2023	42.341.884.550	5.700.000	7.428,40	13,27
7	10/01/2023	42.325.625.739	5.700.000	7.425,54	(2,86)
8	11/01/2023	42.463.324.427	5.700.000	7.449,70	24,16
9	12/01/2023	42.451.810.448	5.700.000	7.447,68	(2,02)
10	15/01/2023	42.582.820.338	5.700.000	7.470,67	22,99
11	16/01/2023	42.776.856.862	5.700.000	7.504,71	34,04
12	17/01/2023	43.827.256.309	5.700.000	7.688,99	184,28
13	18/01/2023	44.272.109.544	5.700.000	7.767,03	78,04
14	19/01/2023	44.546.901.201	5.700.000	7.815,24	48,21
15	26/01/2023	44.525.533.524	5.700.000	7.811,49	(3,75)
16	29/01/2023	44.895.268.309	5.700.000	7.876,36	64,87
17	30/01/2023	44.302.530.703	5.700.000	7.772,37	(103,99)
18	31/01/2023	44.732.628.622	5.700.000	7.847,82	75,45
19	01/02/2023	43.227.581.658	5.700.000	7.583,78	(264,04)
20	02/02/2023	43.259.304.892	5.700.000	7.589,35	5,57
21	05/02/2023	42.940.596.277	5.700.000	7.533,43	(55,92)
22	06/02/2023	43.306.112.132	5.700.000	7.597,56	64,13
23	07/02/2023	42.321.760.078	5.700.000	7.424,87	(172,69)
24	08/02/2023	42.448.842.075	5.700.000	7.447,16	22,29
25	09/02/2023	42.089.914.402	5.700.000	7.384,19	(62,97)
26	12/02/2023	41.620.672.349	5.700.000	7.301,87	(82,32)
27	13/02/2023	41.066.933.523	5.700.000	7.204,72	(97,15)
28	14/02/2023	40.964.146.907	5.700.000	7.186,69	(18,03)
29	15/02/2023	41.309.432.485	5.700.000	7.247,26	60,57
30	16/02/2023	41.830.464.437	5.700.000	7.338,67	91,41
31	19/02/2023	41.826.525.043	5.700.000	7.337,98	(0,69)
32	20/02/2023	43.116.489.745	5.700.000	7.564,29	226,31
33	21/02/2023	42.865.762.969	5.700.000	7.520,30	(43,99)
34	22/02/2023	41.660.949.028	5.700.000	7.308,93	(211,37)
35	23/02/2023	41.641.744.763	5.700.000	7.305,56	(3,37)
36	26/02/2023	40.833.490.593	5.700.000	7.163,77	(141,79)
37	27/02/2023	39.961.119.100	5.700.000	7.010,72	(153,05)
38	28/02/2023	40.111.772.867	5.700.000	7.037,15	26,43
39	01/03/2023	40.870.541.999	5.700.000	7.170,27	133,12
40	02/03/2023	40.723.599.226	5.700.000	7.144,49	(25,78)
41	05/03/2023	40.097.560.793	5.700.000	7.034,65	(109,84)
42	06/03/2023	40.209.612.589	5.700.000	7.054,31	19,66
43	07/03/2023	40.687.382.392	5.700.000	7.138,13	83,82
44	08/03/2023	41.243.532.982	5.700.000	7.235,70	97,57
45	09/03/2023	41.596.193.215	5.700.000	7.297,57	61,87
46	12/03/2023	41.432.961.850	5.700.000	7.268,94	(28,63)
47	13/03/2023	41.434.968.173	5.700.000	7.269,29	0,35
48	14/03/2023	40.876.505.547	5.700.000	7.171,31	(97,98)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
49	15/03/2023	41.962.779.304	5.700.000	7.361,89	190,58
50	16/03/2023	41.322.103.343	5.700.000	7.249,49	(112,40)
51	19/03/2023	41.358.176.069	5.700.000	7.255,82	6,33
52	20/03/2023	40.526.663.144	5.700.000	7.109,94	(145,88)
53	21/03/2023	40.937.212.180	5.700.000	7.181,96	72,02
54	22/03/2023	41.177.460.716	5.700.000	7.224,11	42,15
55	23/03/2023	41.380.421.746	5.700.000	7.259,72	35,61
56	26/03/2023	41.565.604.402	5.700.000	7.292,21	32,49
57	27/03/2023	41.792.477.580	5.700.000	7.332,01	39,80
58	28/03/2023	41.844.777.117	5.700.000	7.341,18	9,17
59	29/03/2023	41.936.713.912	5.700.000	7.357,31	16,13
60	30/03/2023	42.071.316.025	5.700.000	7.380,93	23,62
61	31/03/2023	42.343.719.754	5.700.000	7.428,72	47,79
62	02/04/2023	42.337.571.970	5.700.000	7.427,64	(1,08)
63	03/04/2023	43.016.429.476	5.700.000	7.546,74	119,10
64	04/04/2023	43.115.963.636	5.700.000	7.564,20	17,46
65	05/04/2023	43.206.366.410	5.700.000	7.580,06	15,86
66	06/04/2023	42.713.899.420	5.700.000	7.493,66	(86,40)
67	09/04/2023	42.737.335.923	5.700.000	7.497,77	4,11
68	10/04/2023	42.715.115.030	5.700.000	7.493,87	(3,90)
69	11/04/2023	42.899.567.938	5.700.000	7.526,23	32,36
70	12/04/2023	42.915.579.122	5.700.000	7.529,04	2,81
71	13/04/2023	42.707.738.323	5.700.000	7.492,58	(36,46)
72	16/04/2023	42.211.471.440	5.700.000	7.405,52	(87,06)
73	17/04/2023	42.269.294.298	5.700.000	7.415,66	10,14
74	18/04/2023	42.266.932.995	5.700.000	7.415,25	(0,41)
75	19/04/2023	41.903.843.871	5.700.000	7.351,55	(63,70)
76	20/04/2023	41.830.745.818	5.700.000	7.338,72	(12,83)
77	23/04/2023	41.537.432.307	5.700.000	7.287,26	(51,46)
78	24/04/2023	41.470.471.147	5.700.000	7.275,52	(11,74)
79	25/04/2023	41.112.519.727	5.700.000	7.212,72	(62,80)
80	26/04/2023	41.410.613.197	5.700.000	7.265,01	52,29
81	27/04/2023	41.359.087.682	5.700.000	7.255,98	(9,03)
82	30/04/2023	41.801.551.800	5.700.000	7.333,60	77,62
83	03/05/2023	41.792.529.475	5.700.000	7.332,02	(1,58)
84	04/05/2023	41.400.233.059	5.700.000	7.263,19	(68,83)
85	07/05/2023	41.338.505.205	5.700.000	7.252,36	(10,83)
86	08/05/2023	41.754.767.611	5.700.000	7.325,39	73,03
87	09/05/2023	41.779.945.533	5.700.000	7.329,81	4,42
88	10/05/2023	42.046.160.270	5.700.000	7.376,51	46,70
89	11/05/2023	42.050.744.421	5.700.000	7.377,32	0,81
90	14/05/2023	42.421.245.269	5.700.000	7.442,32	65,00
91	15/05/2023	42.448.205.786	5.700.000	7.447,05	4,73
92	16/05/2023	42.399.279.667	5.700.000	7.438,47	(8,58)
93	17/05/2023	42.059.074.361	5.700.000	7.378,78	(59,69)
94	18/05/2023	42.326.379.212	5.700.000	7.425,68	46,90
95	21/05/2023	42.338.854.814	5.700.000	7.427,86	2,18
96	22/05/2023	42.619.576.184	5.700.000	7.477,11	49,25
97	23/05/2023	42.436.107.390	5.700.000	7.444,93	(32,18)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
98	24/05/2023	42.169.711.205	5.700.000	7.398,19	(46,74)
99	25/05/2023	42.145.051.165	5.700.000	7.393,86	(4,33)
100	28/05/2023	42.163.480.924	5.700.000	7.397,10	3,24
101	29/05/2023	42.647.768.570	5.700.000	7.482,06	84,96
102	30/05/2023	42.778.617.366	5.700.000	7.505,02	22,96
103	31/05/2023	42.614.879.439	5.700.000	7.476,29	(28,73)
104	01/06/2023	42.889.505.942	5.700.000	7.524,47	48,18
105	04/06/2023	43.603.655.930	5.700.000	7.649,76	125,29
106	05/06/2023	43.744.471.518	5.700.000	7.674,46	24,70
107	06/06/2023	44.199.489.657	5.700.000	7.754,29	79,83
108	07/06/2023	44.366.331.963	5.700.000	7.783,56	29,27
109	08/06/2023	43.719.342.515	5.700.000	7.670,06	(113,50)
110	11/06/2023	44.107.904.867	5.700.000	7.738,22	68,16
111	12/06/2023	44.428.905.514	5.700.000	7.794,54	56,32
112	13/06/2023	44.593.490.186	5.700.000	7.823,41	28,87
113	14/06/2023	44.426.429.954	5.700.000	7.794,11	(29,30)
114	15/06/2023	44.364.534.079	5.700.000	7.783,25	(10,86)
115	18/06/2023	44.369.904.748	5.700.000	7.784,19	0,94
116	19/06/2023	44.076.199.973	5.700.000	7.732,66	(51,53)
117	20/06/2023	44.413.064.391	5.700.000	7.791,76	59,10
118	21/06/2023	44.760.446.968	5.700.000	7.852,70	60,94
119	22/06/2023	45.048.156.726	5.700.000	7.903,18	50,48
120	25/06/2023	45.342.915.858	5.700.000	7.954,89	51,71
121	26/06/2023	45.470.622.211	5.700.000	7.977,30	22,41
122	27/06/2023	45.547.976.692	5.700.000	7.990,87	13,57
123	28/06/2023	45.741.574.271	5.700.000	8.024,83	33,96
124	29/06/2023	45.063.476.897	5.700.000	7.905,87	(118,96)
125	30/06/2023	45.031.018.597	5.700.000	7.900,17	(5,70)
126	02/07/2023	45.024.927.651	5.700.000	7.899,11	(1,06)
127	03/07/2023	45.066.469.576	5.700.000	7.906,39	7,28
128	04/07/2023	45.357.054.235	5.700.000	7.957,37	50,98
129	05/07/2023	45.431.267.024	5.700.000	7.970,39	13,02
130	06/07/2023	45.092.298.455	5.700.000	7.910,92	(59,47)
131	09/07/2023	45.505.570.526	5.700.000	7.983,43	72,51
132	10/07/2023	46.022.420.147	5.700.000	8.074,10	90,67
133	11/07/2023	46.156.787.269	5.700.000	8.097,68	23,58
134	12/07/2023	46.135.200.256	5.700.000	8.093,89	(3,79)
135	13/07/2023	46.618.542.197	5.700.000	8.178,69	84,80
136	16/07/2023	46.778.316.979	5.700.000	8.206,72	28,03
137	17/07/2023	46.987.441.286	5.700.000	8.243,41	36,69
138	18/07/2023	47.080.151.889	5.700.000	8.259,67	16,26
139	19/07/2023	46.960.647.237	5.700.000	8.238,71	(20,96)
140	20/07/2023	47.092.237.272	5.700.000	8.261,79	23,08
141	23/07/2023	47.822.700.478	5.700.000	8.389,94	128,15
142	24/07/2023	48.129.254.685	5.700.000	8.443,72	53,78
143	25/07/2023	48.291.161.271	5.700.000	8.472,13	28,41
144	26/07/2023	48.437.801.964	5.700.000	8.497,85	25,72
145	27/07/2023	48.450.018.548	5.700.000	8.500,00	2,15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
146	30/07/2023	48.944.832.863	5.700.000	8.586,81	86,81
147	31/07/2023	49.513.195.086	5.700.000	8.686,52	99,71
148	01/08/2023	49.168.914.023	5.700.000	8.626,12	(60,40)
149	02/08/2023	49.287.758.804	5.700.000	8.646,97	20,85
150	03/08/2023	48.999.890.799	5.700.000	8.596,47	(50,50)
151	06/08/2023	49.748.265.769	5.700.000	8.727,76	131,29
152	07/08/2023	50.441.802.361	5.700.000	8.849,43	121,67
153	08/08/2023	50.308.704.141	5.700.000	8.826,08	(23,35)
154	09/08/2023	50.000.607.386	5.700.000	8.772,03	(54,05)
155	10/08/2023	49.436.166.223	5.700.000	8.673,01	(99,02)
156	13/08/2023	49.976.930.378	5.700.000	8.767,88	94,87
157	14/08/2023	50.276.480.938	5.700.000	8.820,43	52,55
158	15/08/2023	50.171.991.216	5.700.000	8.802,10	(18,33)
159	16/08/2023	50.693.067.128	5.700.000	8.893,52	91,42
160	17/08/2023	50.346.582.986	5.700.000	8.832,73	(60,79)
161	20/08/2023	47.863.205.784	5.700.000	8.397,05	(435,68)
162	21/08/2023	47.931.248.846	5.700.000	8.408,99	11,94
163	22/08/2023	48.202.355.502	5.700.000	8.456,55	47,56
164	23/08/2023	47.823.751.781	5.700.000	8.390,13	(66,42)
165	24/08/2023	48.743.048.248	5.700.000	8.551,41	161,28
166	27/08/2023	48.571.952.043	5.700.000	8.521,39	(30,02)
167	28/08/2023	49.449.716.001	5.700.000	8.675,38	153,99
168	29/08/2023	49.586.710.450	5.700.000	8.699,42	24,04
169	30/08/2023	50.099.798.564	5.700.000	8.789,43	90,01
170	31/08/2023	50.601.762.921	5.700.000	8.877,50	88,07
171	04/09/2023	50.589.044.596	5.700.000	8.875,27	(2,23)
172	05/09/2023	50.977.196.607	5.700.000	8.943,36	68,09
173	06/09/2023	51.584.732.231	5.700.000	9.049,95	106,59
174	07/09/2023	51.450.766.208	5.700.000	9.026,45	(23,50)
175	10/09/2023	51.363.921.812	5.700.000	9.011,21	(15,24)
176	11/09/2023	50.542.113.326	5.700.000	8.867,03	(144,18)
177	12/09/2023	51.632.267.219	5.700.000	9.058,29	191,26
178	13/09/2023	51.336.347.676	5.700.000	9.006,37	(51,92)
179	14/09/2023	50.708.246.959	5.700.000	8.896,18	(110,19)
180	17/09/2023	50.842.495.790	5.700.000	8.919,73	23,55
181	18/09/2023	50.225.835.003	5.700.000	8.811,55	(108,18)
182	19/09/2023	50.340.382.283	5.700.000	8.831,64	20,09
183	20/09/2023	50.946.788.594	5.700.000	8.938,03	106,39
184	21/09/2023	50.273.582.572	5.700.000	8.819,92	(118,11)
185	24/09/2023	49.100.429.667	5.700.000	8.614,11	(205,81)
186	25/09/2023	47.196.040.785	5.700.000	8.280,00	(334,11)
187	26/09/2023	46.780.407.820	5.700.000	8.207,08	(72,92)
188	27/09/2023	47.635.599.063	5.700.000	8.357,12	150,04
189	28/09/2023	47.481.223.893	5.700.000	8.330,03	(27,09)
190	30/09/2023	47.559.972.061	5.700.000	8.343,85	13,82
191	01/10/2023	47.556.899.977	5.700.000	8.343,31	(0,54)
192	02/10/2023	47.644.526.203	5.700.000	8.358,68	15,37
193	03/10/2023	45.961.009.403	5.700.000	8.063,33	(295,35)

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
194	04/10/2023	46.442.075.445	5.700.000	8.147,73	84,40
195	05/10/2023	45.818.464.839	5.700.000	8.038,32	(109,41)
196	08/10/2023	46.531.224.127	5.700.000	8.163,37	125,05
197	09/10/2023	47.070.611.887	5.700.000	8.258,00	94,63
198	10/10/2023	47.336.190.949	5.700.000	8.304,59	46,59
199	11/10/2023	47.727.538.496	5.700.000	8.373,25	68,66
200	12/10/2023	47.696.070.924	5.700.000	8.367,73	(5,52)
201	15/10/2023	47.815.751.363	5.700.000	8.388,72	20,99
202	16/10/2023	47.212.225.045	5.700.000	8.282,84	(105,88)
203	17/10/2023	46.320.409.587	5.700.000	8.126,38	(156,46)
204	18/10/2023	45.656.441.494	5.700.000	8.009,90	(116,48)
205	19/10/2023	44.836.533.229	5.700.000	7.866,05	(143,85)
206	22/10/2023	45.784.632.787	5.700.000	8.032,39	166,34
207	23/10/2023	45.132.946.850	5.700.000	7.918,06	(114,33)
208	24/10/2023	45.641.785.098	5.700.000	8.007,33	89,27
209	25/10/2023	45.444.610.887	5.700.000	7.972,73	(34,60)
210	26/10/2023	43.399.751.484	5.700.000	7.613,99	(358,74)
211	29/10/2023	43.707.144.499	5.700.000	7.667,92	53,93
212	30/10/2023	42.666.519.156	5.700.000	7.485,35	(182,57)
213	31/10/2023	42.102.395.131	5.700.000	7.386,38	(98,97)
214	01/11/2023	42.763.169.180	5.700.000	7.502,31	115,93
215	02/11/2023	44.336.252.059	5.700.000	7.778,28	275,97
216	05/11/2023	44.332.878.035	5.700.000	7.777,69	(0,59)
217	06/11/2023	45.018.078.756	5.700.000	7.897,90	120,21
218	07/11/2023	44.571.460.469	5.700.000	7.819,55	(78,35)
219	08/11/2023	46.222.723.087	5.700.000	8.109,24	289,69
220	09/11/2023	46.244.203.152	5.700.000	8.113,01	3,77
221	12/11/2023	45.757.682.840	5.700.000	8.027,66	(85,35)
222	13/11/2023	45.781.898.905	5.700.000	8.031,91	4,25
223	14/11/2023	46.325.313.437	5.700.000	8.127,24	95,33
224	15/11/2023	46.738.957.119	5.700.000	8.199,81	72,57
225	16/11/2023	46.868.881.265	5.700.000	8.222,61	22,80
226	19/11/2023	45.770.744.172	5.700.000	8.029,95	(192,66)
227	20/11/2023	45.821.506.836	5.700.000	8.038,86	8,91
228	21/11/2023	46.129.837.131	5.700.000	8.092,95	54,09
229	22/11/2023	46.292.284.956	5.700.000	8.121,45	28,50
230	23/11/2023	44.997.183.021	5.700.000	7.894,24	(227,21)
231	26/11/2023	45.298.309.777	5.700.000	7.947,07	52,83
232	27/11/2023	44.806.079.267	5.700.000	7.860,71	(86,36)
233	28/11/2023	45.186.203.974	5.700.000	7.927,40	66,69
234	29/11/2023	45.490.291.283	5.700.000	7.980,75	53,35
235	30/11/2023	45.091.474.778	5.700.000	7.910,78	(69,97)
236	03/12/2023	45.450.787.501	5.700.000	7.973,82	63,04
237	04/12/2023	46.304.262.809	5.700.000	8.123,55	149,73
238	05/12/2023	46.049.623.803	5.700.000	8.078,88	(44,67)
239	06/12/2023	46.500.382.937	5.700.000	8.157,96	79,08
240	07/12/2023	46.405.181.386	5.700.000	8.141,25	(16,71)
241	10/12/2023	46.515.944.608	5.700.000	8.160,69	19,44

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

# 18. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/CCQ
242	11/12/2023	46.556.190.224	5.700.000	8.167,75	7,06
243	12/12/2023	46.673.621.860	5.700.000	8.188,35	20,60
244	13/12/2023	46.045.090.928	5.700.000	8.078,08	(110,27)
245	14/12/2023	45.837.306.312	5.700.000	8.041,63	(36,45)
246	17/12/2023	45.579.708.027	5.700.000	7.996,44	(45,19)
247	18/12/2023	45.132.317.100	5.700.000	7.917,95	(78,49)
248	19/12/2023	45.447.766.137	5.700.000	7.973,29	55,34
249	20/12/2023	45.666.454.729	5.700.000	8.011,65	38,36
250	21/12/2023	45.725.545.700	5.700.000	8.022,02	10,37
251	24/12/2023	45.699.262.510	5.700.000	8.017,41	(4,61)
252	25/12/2023	46.293.955.084	5.700.000	8.121,74	104,33
253	26/12/2023	46.457.964.962	5.700.000	8.150,52	28,78
254	27/12/2023	46.481.347.806	5.700.000	8.154,62	4,10
255	28/12/2023	46.883.141.995	5.700.000	8.225,11	70,49
256	31/12/2023	47.001.463.686	5.700.000	8.245,87	20,76

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (VND) 44.928.860.412

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 435,68  
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,35

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong năm

- Mức cao nhất trong năm (VND) 9.058,29  
- Mức thấp nhất trong năm (VND) 7.010,72

# 19. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ	5.300.000	5.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT

### 20.1 Các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

#### Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				Đơn vị tính: VND
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Doanh thu/(Chi phí)
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Công ty Quản lý Quỹ	Giá dịch vụ quản lý Quỹ (*)	(69.286.963)	(308.152.900)	301.340.488	(76.099.375)	(308.152.900)
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(16.200.000)	(72.000.000)	72.000.000	(16.200.000)	(72.000.000)

(\*) Giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,6% NAV/năm và có thể thay đổi khi được Đại hội Nhà Đầu tư phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ HỢP ĐỒNG THEN CHÓT (tiếp theo)**

**20.2 Các hợp đồng then chốt khác**

**Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Trụ sở chính**

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)			Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Doanh thu/ (Chi phí)
			Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Trụ sở chính	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán	240.742.647	3.803.902.237	(3.879.372.004)	165.272.880	-
		Lãi từ tiền gửi thanh toán	-	748.874	(748.874)	-	748.874
		Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ ETF	(20.000.000)	(241.652.636)	241.552.636	(20.100.000)	(241.652.636)
		Trong đó:					
		- Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	(20.000.000)	(240.000.000)	240.000.000	(20.000.000)	(240.000.000)
		- Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	-	(1.652.636)	1.552.636	(100.000)	(1.652.636)
		Giá dịch vụ giám sát Quỹ	(5.500.000)	(66.000.000)	66.000.000	(5.500.000)	(66.000.000)
		Giá dịch vụ quản trị Quỹ	(16.500.000)	(198.000.000)	198.000.000	(16.500.000)	(198.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

### *Rủi ro tiền tệ*

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

### *Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết*

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 50.795.862.600 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ giảm (5.079.586.260) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quỹ sẽ tăng lên 5.079.586.260 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là cổ tức tại thời điểm cuối năm có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>		
Phải trả mua các khoản đầu tư	203.439	203.439
Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	1.800.000	1.800.000
Chi phí phải trả	83.200.000	83.200.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	221.197.985	221.197.985
Phải trả, phải nộp khác	200.000	200.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>306.601.424</b>	<b>306.601.424</b>
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Dưới 3 tháng</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.800.000	1.800.000
Chi phí phải trả	59.400.000	59.400.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	219.922.961	219.922.961
<b>Tổng cộng</b>	<b>281.122.961</b>	<b>281.122.961</b>

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

### *Tài sản đảm bảo*

Trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quỹ không phát sinh nợ và vay nên không có tài sản đảm bảo cho các khoản nợ và vay.

Quỹ không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động = Tổng chi phí hoạt động trong năm/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm (*)	2,42%	2,57%
2	Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm/2	5,30%	8,63%

(\*) Chi phí hoạt động bao gồm Chi phí đầu tư.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Bà Nguyễn Thị Thúy Lan  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



Bà Phạm Minh Hương  
Chủ tịch  
Kiêm Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100

Kính gửi: Đại hội Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư ETF IPAAM VN100

### 1. Thành phần và cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ

Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 duy trì theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ với số thành viên trong năm 2024 là 03 người, bao gồm:

- Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Chủ tịch, Thành viên độc lập
- Bà Lê Thị Hoài – Thành viên độc lập
- Bà Hoàng Thị Minh Phương – Thành viên độc lập

Cơ cấu của Ban Đại diện quỹ đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100, cụ thể:

- Trong Ban Đại diện quỹ có 3/3 thành viên là thành viên độc lập, đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu 2/3 thành viên Ban Đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- Các thành viên Ban Đại diện quỹ đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100:
  - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
  - Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
  - Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
- Chủ tịch Ban Đại diện quỹ là thành viên độc lập, đáp ứng quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100.

## 2. Hoạt động của Ban Đại diện quỹ trong năm 2024

Trong năm 2024, Ban Đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo các phương thức khác nhau, đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần. Trong đó, Ban Đại diện quỹ đã thông qua các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 07/03/2024 phê duyệt:
  - Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
  - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024.
- Nghị quyết số 02/2024/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/07/2024 phê duyệt:
  - Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2024.
  - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Các cuộc họp của Ban Đại diện quỹ đã được tổ chức và tiến hành theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành. Các biên bản, nghị quyết/quyết định của Ban đại diện quỹ đều được thông qua với sự thống nhất cao của các thành viên và được lưu giữ theo quy định.

Về thù lao của các thành viên Ban Đại diện quỹ, trong năm 2024 mỗi thành viên Ban đại diện quỹ đều được chi trả với mức thù lao của mỗi người là 02 triệu đồng/tháng theo đúng nội dung đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024.

Trên đây là báo cáo của Ban Đại diện quỹ gửi Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100.

Trân trọng!

**TM. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ETF IPAAM VN100**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG**

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC  
QUỸ ETF IPAAM VN100 NĂM 2024**

**Kính gửi: - Đại hội Nhà Đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100**

**- Ban Đại Diện Quỹ (“BDD Quỹ”)**

**- Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (“IPAAM”)**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xin báo cáo đến Đại hội Nhà đầu tư về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

**1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ**

Tên quỹ : Quỹ ETF IPAAM VN100

Tên viết tắt : IPAAM VN100

Giấy CNĐK số : 37/GCN-UBCK cấp ngày 14/09/2021

Trụ sở chính : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Dựa theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho năm tài chính 2024, tình hình biến động vốn của Quỹ trong giai đoạn trên như sau:



	<i>Đơn vị</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phát sinh trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	5.700.000	-	5.700.000
NAV bình quân (2) = (5)/(1)	VND/CCQ	10.074,26	-	10.074,26
Giá trị ghi theo mệnh giá (3)	VND	57.000.000.000	-	57.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành (4)	VND	423.301.296	-	423.301.296
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ quỹ ETF (5) = (3) + (4)	VND	57.423.301.296	-	57.423.301.296
<b>Vốn góp hoán đổi lại</b>				
Số lượng (6)	CCQ	-	(400.000)	(400.000)
NAV bình quân (7) = (10)/(6)	VND/CCQ	-	9.562,76	9.562,76
Giá trị ghi theo mệnh giá (8)	VND	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Thặng dư vốn góp mua lại của Nhà đầu tư (9)	VND	-	174.896.386	174.896.386
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ quỹ ETF (10) = (8) + (9)	VND	-	(3.825.103.614)	(3.825.103.614)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (11) = (1) - (6)</b>				
Số lượng (11) = (1) - (6)	CCQ	5.700.000	(400.000)	5.300.000
Giá trị vốn góp hiện hành (12) = (5) - (10)	VND	57.423.301.296	(3.825.103.614)	53.598.197.682
Lãi /(lỗ) lũy kế (13)	VND	(10.421.837.610)	7.656.633.984	(2.765.203.626)
Giá trị tài sản ròng hiện hành (14) = (12) + (13)	VND	47.001.463.686	3.831.530.370	50.832.994.056
Giá trị tài sản ròng trên 1 lô chứng chỉ Quỹ	VND	824.587.082	134.526.013	959.113.095
Giá trị tài sản ròng hiện hành trên 1 Chứng chỉ quỹ (15) = (14)/(11)	VND/CCQ	8.245,87		9.591,13

(Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

## 2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (“IPAAM”) đối với Quỹ ETF IPAAM VN100 (“IPAAM VN100”)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, IPAAM đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát (“NHGS”).

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF IPAAM VN100, Ngân hàng ghi nhận một số nội dung sau:

### 2.1. Hợp đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2024

Căn cứ theo Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư

98”), Quỹ đã tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên năm 2024 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, theo đó Đại hội đã thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo thường niên năm 2023 của Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 và phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2023;
- Thông qua việc miễn nhiệm bà Phí Thị Thùy Dung - Thành viên Ban Đại diện quỹ và bầu bổ sung bà Lê Thị Hoài làm thành viên Ban Đại diện quỹ thay cho bà Phí Thị Thùy Dung;
- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2023 và kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024;
- Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ;
- Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ lựa chọn phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán;

## **2.2. Cuộc họp của Ban đại diện theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Đại diện quỹ ETF IPAAM VN100 đã đảm bảo mỗi quý họp ít nhất một lần. Trong năm 2024, Ban Đại diện quỹ đã thông qua các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 07/03/2024 phê duyệt:
  - Thông qua việc tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
  - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để tiến hành tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024.
- Nghị quyết số 02/2024/NQ-ETF IPAAM VN100 ngày 03/07/2024 phê duyệt:
  - Thông qua việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho Quỹ năm 2024.
  - Ủy quyền và giao Ban điều hành Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện các công việc cần thiết để ký Hợp đồng với Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

## **2.3. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ**

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của quỹ đã được đề cập trong “Báo cáo của Ngân hàng giám sát” được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

## **3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký**

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF IPAAM VN100, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100, thể hiện trong một số nội dung như sau:

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản Quỹ với những tài sản của công ty quản lý, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.
- Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát.
- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.
- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ.
- Xác nhận các báo cáo về tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại ngân hàng.
- Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các cuộc họp Ban đại diện quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.
- Thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng giám sát.
- Thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

**Đại diện Ngân hàng giám sát**



**Võ Trí Thanh**

**Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng**

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ  
CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2025 CỦA QUỸ ETF IPAAM VN100**

**I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024**

**1. Nhận định thị trường năm 2024**

- Tính đến hết ngày 31/12, VN-Index đạt mức tăng trưởng 12,1% so với hồi đầu năm, thấp hơn mức tăng 14,6% của VNDAF. Nếu chỉ nhìn chỉ số chung, hiệu suất đầu tư chứng khoán từ đầu năm vượt trội hơn hẳn so với mức lãi suất tiền gửi 5 - 6% tại các ngân hàng thương mại (NHTM). Tuy nhiên thực tế đầu tư không hề dễ dàng, nhiều nhà đầu tư (NĐT) cho biết danh mục của họ vẫn đang thua lỗ dù thị trường hồi phục.
- Nhìn lại 2024, Mỹ vẫn là động lực chính của tăng trưởng toàn cầu trong bối cảnh Trung Quốc phải vật lộn với khối nợ khổng lồ của chính quyền địa phương, thị trường bất động sản đóng băng kéo dài và nhu cầu nội địa suy giảm nghiêm trọng. Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã liên tục trì hoãn kế hoạch cắt giảm lãi suất suốt 8 tháng đầu năm khiến đồng USD duy trì sức mạnh đáng kể, dòng tiền liên tục rút khỏi các nước đang phát triển và mới nổi tập trung về Mỹ đã kéo dài mạch bán ròng của khối ngoại tại Việt Nam. Sự trở lại của Trump 2.0 với các kế hoạch kinh tế mới đầy tham vọng được dự báo sẽ làm thay đổi đường đi của kinh tế, lạm phát và lãi suất trong tương lai, từ đó gây nên nhiều biến động đối với dòng vốn quốc tế thời gian tới bất chấp việc chính sách tiền tệ của Mỹ chuyển hướng từ thắt chặt sang nới lỏng.
- Kinh tế Việt Nam khép lại năm 2024 với tốc độ tăng trưởng ấn tượng (7%) từ mức nền thấp, đánh dấu năm mở đầu cho một chu kỳ hồi phục mới. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dần cải thiện từ giữa năm, dòng vốn bắt đầu được khai thông và thị trường bất động sản sôi động trở lại ở một số phân khúc. Tuy nhiên, động lực chính của tăng trưởng vẫn đến từ khối ngoại thông qua sự mở rộng mạnh mẽ của sản xuất và vốn đầu tư FDI, khách du lịch quốc tế tăng đột biến sau đại dịch trong khi sức khỏe của khối doanh nghiệp nội địa mới manh nha hồi



phục trở lại kể từ nửa sau của năm. Những điểm nghẽn cổ hũu trong nền kinh tế như tiêu dùng yếu, sự chậm chạp trong giải ngân đầu tư công, rủi ro từ thị trường trái phiếu doanh nghiệp hay rút vốn của nhà đầu tư ngoại vẫn chưa được giải quyết triệt để.

2. Báo cáo về kết quả huy động vốn tính đến cuối năm 2024

Tính đến ngày 31/12/2024, NAV quỹ đạt 50.832.994.056 đồng, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 53.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 5.300.000 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ có 806 nhà đầu tư, trong đó chủ yếu là nhà đầu tư cá nhân:

Ngày	Số lô chứng chỉ quỹ	NAV quỹ (đồng)	Số lượng nhà đầu tư
25/08/2021	52	52.000.000.000	3 nhà đầu tư bao gồm: - 00 nhà đầu tư cá nhân - 03 nhà đầu tư tổ chức
31/12/2024	53	50.832.994.056	806 nhà đầu tư bao gồm: - 799 nhà đầu tư cá nhân - 07 nhà đầu tư tổ chức

3. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ năm 2024

3.1 Hoạt động quản lý đầu tư

- Về việc tuân thủ quy định đầu tư và hạn mức đầu tư:

Quỹ ETF IPAAM VN100 đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

- Về tài sản đầu tư:

Quỹ ETF IPAAM VN100 tuân thủ theo quy định về tài sản đầu tư của Quỹ hoán đổi danh mục.

3.2 Hiệu quả đầu tư

Tính tới ngày 31/12/2024, NAV/CCQ là 9.591,13 VND, giảm 4,09% so với ngày thành lập Quỹ, và tăng 16,31% so với NAV/CCQ tại ngày 31/12/2023 là 8.245,87 đồng.

NAV/CCQ (đồng)		Tăng trưởng		
		6 tháng	Từ đầu năm	Từ ngày góp vốn
<b>FUEIP100</b>	9.591,13	3,26%	16,31%	-4,09%

Quỹ ETF IPAAM VN100 thực hiện theo đúng mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn, tại 31/12/2024 Quỹ có mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu ở mức thấp, trong mức quy định, khoảng 0,5%.

*Biểu đồ tăng trưởng của FUEIP100 và bám sát chỉ số VN100*



### 3.3 Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ:

- Cơ cấu tài sản:

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31/12/2024
Danh mục chứng khoán	99,22%
Tiền	0,43%
Tài sản khác	0,35%
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>

- Danh mục đầu tư theo nhóm ngành:



- Chi tiết hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2024
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	50.832.994.056
Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ	9.591,13
Số lượng chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	5.300.000
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	9.760,66
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong năm	8.238,12

	FUEIP100	VN100
Số lượng chứng khoán nắm giữ	70	100
Định giá danh mục		
P/E (x)	11,85	12,93
P/B (x)	1,59	1,71

ROE (%)	13,44	13,17
Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (TE)	0,51%	
Cổ phiếu vốn hóa lớn - VN30	72,94%	
Cổ phiếu vốn hóa trung bình - VN MIDCAP	27,06%	

## II. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2025

### 1. Triển vọng thị trường chứng khoán 2025

Định giá thị trường đang ở mức hấp dẫn. Định giá P/E của VN-Index khá hấp dẫn, khi đang giao dịch với mức chiết khấu 8,2% so với trung bình 5 năm, trong khi tăng trưởng EPS kỳ vọng cải thiện vào năm 2025.

Tiềm năng từ những dòng vốn ngoại khi thị trường được nâng hạng là rất lớn. Ngay sau khi thị trường Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng, cổ phiếu Việt Nam sẽ được các quỹ ETF mô phỏng các chỉ số của FTSE mua vào. Với vốn hóa thị trường của thị trường Việt Nam hiện bằng 1/4 so với vốn hóa thị trường Indonesia, chúng tôi ước tính tỷ trọng phân bổ cho các cổ phiếu Việt Nam của các quỹ ETF mô phỏng chỉ số FTSE sẽ dao động từ 0,05% đến 0,5% tổng tài sản ròng của từng ETF. Điều này có thể giúp thị trường Việt Nam thu hút gần 1,6 tỷ USD. Ngoài ra, dòng vốn đổ vào thị trường Việt Nam từ các quỹ đầu tư chủ động khi Việt Nam được FTSE Russell nâng hạng cũng là rất lớn.

### 2. Chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2025

Chiến lược tích sản đều đặn định kỳ hàng tháng đối với quỹ ETF là chiến lược khá hợp lý để nhà đầu tư có thể an tâm nắm giữ cùng thị trường chứng khoán, khi vừa tận dụng được đà tăng của thị trường trong trung – dài hạn và vừa tận dụng các nhịp điều chỉnh để gia tăng lượng nắm giữ.

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ

ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A



CHỦ TỊCH

Phạm Minh Hương

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ ỨNG VIÊN BẦU LÀM CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

(V/v: Đề cử/ứng cử ứng viên để bầu làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 thời gian còn lại nhiệm kỳ 2021 - 2026)

**Kính gửi:** - Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

- Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100

Căn cứ Tờ trình của Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A (IPAAM) về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện quỹ nhiệm kỳ 2021-2026 của Quỹ ETF IPAAM VN100.

Chúng tôi/tôi, những người có tên dưới đây, là người đại diện của nhà đầu tư tổ chức/nhà đầu tư cá nhân của Quỹ ETF IPAAM VN100 sở hữu/tự nguyện tập hợp thành nhóm nhà đầu tư nắm giữ ..... chứng chỉ quỹ, chiếm tỉ lệ .....% tổng số chứng chỉ quỹ có quyền biểu quyết của Quỹ ETF IPAAM VN100, bao gồm:

STT	Tên nhà đầu tư	Số ĐKSH	Số, ngày, nơi cấp	Số chứng chỉ quỹ sở hữu	Tỷ lệ (%) / Tổng số chứng chỉ quỹ
<b>Tổng cộng:</b>					

Chúng tôi/Tôi xin đăng ký và cam kết với Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A như sau:

1. Sau khi xem xét các điều kiện tiêu chuẩn theo quy định, chúng tôi/tôi tự nguyện đề cử những người có tên dưới đây/ứng cử để tham gia ứng cử Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2021 – 2026. Cụ thể như sau:

Ứng cử viên Chủ tịch Ban đại diện quỹ:

TT	Họ và tên ứng viên	Ngày sinh	Quốc tịch	Số CCCD/ Hộ chiếu	Địa chỉ
1					

2. Chúng tôi/tôi cam kết sẽ duy trì tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ như đã đăng ký theo quy định để (các) ứng cử viên có đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia ứng cử Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 để bầu chức danh trên.

3. Chúng tôi/Tôi cam kết các nội dung của đơn đề cử/ứng cử này là hoàn toàn chính xác, việc đề cử/ứng cử ứng viên trên đây của chúng tôi/tôi được lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đầy đủ

thâm quyền để đề cử/ứng cử ứng viên tham gia bầu làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo đúng quy định pháp luật.

Trân trọng!

....., ngày ..... tháng ..... năm 2025

**Nhà đầu tư**

*(Nhà đầu tư ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))*

Ghi chú:

- Gửi kèm Hồ sơ cá nhân của ứng viên;

## PHỤ LỤC XIII

### BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh  
(4cmx6cm)

... .., ngày ... tháng ... năm ....

### BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

- Họ và tên: Quốc tịch:
- Số Giấy CCCD/Hộ chiếu:
- Địa chỉ liên lạc (thường xuyên):
- Điện thoại liên hệ: Fax, email:
- Trình độ chuyên môn:
- Nghề nghiệp:
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn (nêu rõ tên trường; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm))

Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Chương trình học	Tên bằng

8. Quá trình công tác (chi tiết về các nghề nghiệp, chức vụ, vị trí công tác đã qua):

Thời gian (tháng/năm)	Nơi làm việc	Chức vụ/Vị trí công tác	Trách nhiệm	Chức vụ

9. Chức vụ và nhiệm vụ tại Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán:

10. Chức vụ hiện nay tại các tổ chức khác:

11. Nhân thân người khai (quan hệ vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột...)

Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh	Số Giấy CMND/CCCD/Hộ chiếu	Địa chỉ liên lạc	Nghề nghiệp, Nơi làm việc	Chức vụ
	Vợ/chồng					
	Bố					
	Mẹ					

	Con					
	Anh/chị/em ruột...					

Tôi xin cam đoan về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai trên.

Sau khi nghiên cứu Điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

- Đáp ứng các điều kiện áp dụng đối với thành viên độc lập của Ban đại diện quỹ và các quy định của pháp luật liên quan;
- Tuân thủ các quy định tại Điều lệ quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

**CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI KHAI**

**NGƯỜI KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phụ lục III**  
**Appendix III**  
**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020  
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*  
*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020  
of the Minister of Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày... tháng... năm.....  
....., day.... month.... year.....

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To:

- The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên/*Full name*:

2/ Giới tính/*Sex*:

3/ Ngày tháng năm sinh/*Date of birth*:

4/ Nơi sinh/*Place of birth*:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.)*:..... Ngày cấp/*Date of issue*..... Nơi cấp/*Place of issue*.....

6/ Quốc tịch/*Nationality*:

7/ Dân tộc/*Ethnic*:

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện thoại/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Organisation's name subject to information disclosure rules*:

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/*Current position in an organization subject to information disclosure:*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:*

14/ Số CP nắm giữ:....., chiếm.....% vốn điều lệ, trong đó:/*Number of owning shares....., accounting for....% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu:/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):*

+ Cá nhân sở hữu/*Owning by individual:*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\*/*List of affiliated persons of declarant:*

---

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019  
Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/Passport/ Giấy ĐKKD) Type of documents(ID/ Passport/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/ Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person became an affiliated person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14 )	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Nguyễn Văn A	xxxxxxx	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors		CMND ID	024123456	17/12/2015	HCMCity's Public Security	16 Võ Văn Kiệt, District 1, HCMC			01/01/2020	15/5/2020	Miễn nhiệm Dismissed	
1.01		Nguyễn Thị B	yyyyyyyy		Vợ wife	CMND ID Card No.	025123456	11/05/2016	HCMCity's Public Security	1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, District 1, HCMC			04/5/2018			
1.02																
....																
15		Nguyễn Văn C	zzzzzzzz	Kế toán trưởng Chief Accountant		CMND ID Card No.	020123456	11/02/2011	Public Security				14/3/2020		Bổ nhiệm Appointed	
....																

15.25		Nguyễn Thị D			Con Child											No ID Card
15.26		Công ty Cổ phần ABC			Tổ chức có liên quan <i>Related organisation</i>	GCNĐKDN <i>Business Registration Certificate</i>	30123456	15/10/2014					15/4/2020		Bổ nhiệm <i>Appointed</i>	Nguyễn Văn C là thành viên HĐQT CTCP ABC <i>Board member</i>

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI/  
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)*

**NGHỊ QUYẾT (DỰ THẢO)**  
**ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**QUỸ ETF IPAAM VN100**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ Quỹ ETF IPAAM VN100;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu của Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025 theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Quỹ ETF IPAAM VN100 ngày ... tháng ... năm 2025;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024**

Đại hội Nhà đầu tư (ĐHNĐT) thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2024 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100**

ĐHNĐT thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2024 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

**Điều 3. Thông qua Báo cáo về kết quả năm 2024 và chiến lược đầu tư năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100**

ĐHNĐT thông qua Báo cáo về kết quả năm 2024 và kế hoạch đầu tư năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100 theo nội dung chi tiết được nêu tại Phụ lục đính kèm.

**Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100**

ĐHNĐT thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100

**Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024**

ĐHNĐT thông qua phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024 như sau:

Không phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024. Lợi nhuận năm 2024 của Quỹ sẽ được giữ lại để phục vụ hoạt động đầu tư.

**Điều 6. Thông qua Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025**

Đại hội Nhà Đầu tư thông qua báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025 như sau:

- Báo cáo chi phí hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2024:

Thời gian	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2024	72.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 2.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 2.000.000 đồng/người/tháng

- Kế hoạch ngân sách hoạt động của Ban Đại diện Quỹ năm 2025:

Thời gian	Dự kiến ngân sách Ban Đại diện Quỹ	Ghi chú
Năm 2025	108.000.000 đồng	- Chủ tịch (01 người): 3.000.000 đồng/người/tháng - Thành viên (02 người): 3.000.000 đồng/người/tháng

**Điều 7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100**

ĐHNĐT ủy quyền cho Ban Đại diện quỹ được lựa chọn và phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2025 là một trong số các công ty kiểm toán trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

**Điều 8. Miễn nhiệm Chủ tịch Ban đại diện Quỹ**

ĐHNĐT thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Ban đại diện quỹ đối với bà Nguyễn Thị Huyền Trang. Bà Nguyễn Thị Huyền Trang không còn là thành viên Ban đại diện quỹ kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

**Điều 9. Bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện Quỹ**

ĐHNĐT đã bầu ông/bà ..... làm Chủ tịch Ban đại diện quỹ của Quỹ ETF IPAAM VN100 nhiệm kỳ 2021 – 2026.

**Điều 10. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A và Ban Đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- UBCK,
- NHGS;
- Lưu.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A**

**TM. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**